

Số: 08/2023/NQ-ĐHĐCĐ

Đắk Lắk, ngày 26 tháng 4 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số:08/2023/BBH – ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 của Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo số 123/2023/BC-BTGD ngày 31/03/2023 của Ban TGD về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023.

Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023 (có báo cáo kèm theo), các chỉ tiêu cơ bản cụ thể:

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:**

| STT | Chỉ tiêu                      | Đơn vị               | Thực hiện 2022 | Kế hoạch 2022 | % thực hiện so với kế hoạch |
|-----|-------------------------------|----------------------|----------------|---------------|-----------------------------|
| 1   | Doanh thu                     | Tỷ đồng              | 191,53         | 184,31        | 103,92%                     |
| 2   | Nước sản xuất                 | Triệu m <sup>3</sup> | 22,17          | 21,84         | 101,48%                     |
| 3   | Nước ghi thu                  | Triệu m <sup>3</sup> | 18,17          | 18,15         | 100,13%                     |
| 4   | Nước không doanh thu          | %                    | 18,02          | 16,92         | 1,10%                       |
| 5   | Phát triển khách hàng         | Hộ                   | 5.746          | 7.568         | 75,93%                      |
| 6   | Lợi nhuận trước thuế          | Tỷ đồng              | (15,38)        | (9,56)        |                             |
| 7   | Tỷ lệ cổ tức năm 2021 dự kiến | %                    | 0 %            | 0 %           | 0 %                         |
| 8   | Vốn điều lệ                   | Tỷ đồng              | 315,2          | 315,2         | 100 %                       |

**Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:**

| <b>STT</b> | <b>Chỉ tiêu</b>            | <b>Đơn vị tính</b>   | <b>Thực hiện 2022</b> | <b>Kế hoạch 2023</b> | <b>% KH2023 / TH 2022</b> |
|------------|----------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------|
| <b>1</b>   | Nước sản xuất              | triệu m <sup>3</sup> | 22,17                 | 23,02                | 103,86%                   |
| <b>2</b>   | Nước ghi thu               | triệu m <sup>3</sup> | 18,17                 | 19,02                | 104,66%                   |
| <b>3</b>   | Nước không doanh thu       | %                    | 18,02                 | 17,39                | -0,63%                    |
| <b>4</b>   | Doanh thu                  | Tỷ đồng              | 191,53                | 222,73               | 116,29%                   |
| 4.1.       | <i>Doanh thu tiền nước</i> | <i>Tỷ đồng</i>       | <i>166,67</i>         | <i>200,73</i>        | <i>120,44%</i>            |
| 4.2.       | <i>Doanh thu xây lắp</i>   | <i>Tỷ đồng</i>       | <i>12,35</i>          | <i>10,51</i>         | <i>85,10%</i>             |
| 4.3.       | <i>Doanh thu khác</i>      | <i>Tỷ đồng</i>       | <i>12,51</i>          | <i>11,48</i>         | <i>91,77%</i>             |
| <b>5</b>   | Phát triển khách hàng      | Hộ                   | 5.746                 | 6.130                | 106,68%                   |
| <b>6</b>   | Lợi nhuận trước thuế       | Tỷ đồng              | (15,38)               | (10,91)              |                           |
| <b>7</b>   | Vốn điều lệ                | Tỷ đồng              | 315,2                 | 315,2                | 100%                      |

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %

**Điều 2. Thông qua Báo cáo số 01/2023/BC – HDQT ngày 31/03/2023 của HDQT về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023**

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023 (có báo cáo kèm theo):

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %

**Điều 3. Thông qua Báo cáo số 01/2023/BC – BKS ngày 31/03/2023 của BKS về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023**

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023 (có báo cáo kèm theo):

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %

**Điều 4. Thông qua Tờ trình số 02/2023/TTr – HDQT về việc thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022**

Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022 như được nêu trong tờ trình (Văn bản đính kèm).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %

**Điều 5. Thông qua Tờ trình số 03/2023/TTr – HĐQT về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022; Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023**

Đại hội biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022; Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023 (Văn bản đính kèm).

**Phương án phân phối lợi nhuận từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022**

| TT | Nội dung   | ĐVT  | Thực hiện        |
|----|--|------|------------------|
| 1  | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                       | Đồng | 189.597.809.618  |
| 2  | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                            | Đồng | (15.376.429.516) |
| 3  | Lợi nhuận sau thuế TNDN 2022                                 | Đồng | (15.376.429.516) |
| 4  | Cổ tức 2022  |      | 0%               |
| 5  | Lợi nhuận chuyển năm sau                                     | Đồng | (15.376.429.516) |
| 6  | Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế từ 27/06/2019 đến 31/12/2022. | Đồng | (18.614.894.436) |

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %

**Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) năm 2022 và Kế hoạch năm 2023**

*Đơn vị tính: Đồng/năm*

| STT | Nội dung                      | Kế hoạch thù lao năm 2022 | Tổng thù lao đã chi năm 2022 | Kế hoạch thù lao năm 2023 |
|-----|-------------------------------|---------------------------|------------------------------|---------------------------|
| 01  | Chủ tịch HĐQT                 | 400.000.000               | 375.342.307                  | 400.000.000               |
| 02  | Phó chủ tịch HĐQT             | 250.000.000               | 100.000.000                  | 250.000.000               |
| 03  | Các TV HĐQT (03 Thành viên)   | 80.000.000                | 0                            | 80.000.000                |
| 04  | Ban kiểm soát (03 Thành viên) | 120.000.000               | 21.000.000                   | 120.000.000               |

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %

**Điều 6. Thông qua Tờ trình số 04/2023/TTr – HĐQT về việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2023.**

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung tờ trình về việc ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn một trong các công ty Kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế trong năm và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính Công ty 2023 (Văn bản đính kèm).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %

**Điều 7. Không thông qua Tờ trình số 05/2023/TTr-HĐQT ngày 31/03/2023 về việc Thông qua chủ trương mua nước si sinh hoạt đối với Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty cổ phần Cấp nước Đạ Lý.**

Đại hội biểu quyết không thông qua nội dung tờ trình về chủ trương mua nước si sinh hoạt đối với Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty cổ phần Cấp nước Đạ Lý (Văn bản đính kèm).

Tỷ lệ biểu quyết không tán thành: 63,46 %

**Điều 8. Thông qua Văn bản kiến nghị của cổ đông Đỗ Hoàng Phương đề nghị bổ sung nội dung liên quan đến việc mua nước si sinh hoạt của Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty CP Cấp nước Đạ Lý.**

Đại hội biểu quyết thông qua Văn bản kiến nghị của cổ đông Đỗ Hoàng Phương (Văn bản đính kèm) với nội dung:

(1). Hủy bỏ các nội dung cam kết trước đây về việc mua nước của 02 Công ty: Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty CP Cấp nước Đạ Lý.

(2). Trong trường hợp Công ty thiếu nguồn cấp nước: ủy quyền và giao cho HĐQT quyết định việc mua nước của Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty CP Cấp nước Đạ Lý với sản lượng và giá mua phù hợp.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 63,46 %

**Điều 9. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 26/4/2023**

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm sao gửi Nghị quyết đến toàn thể cổ đông, cơ quan có thẩm quyền theo quy định và công bố trên website Công ty theo đúng quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %

**Điều 10. Trách nhiệm phổ biến quán triệt và triển khai thực hiện Nghị Quyết này**

Đại hội thống nhất giao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm phổ biến quán triệt, triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát quá trình thực hiện theo tinh thần Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- UBCKNN; SGDCCKHN “để báo cáo”;
- Lưu VP.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT  
Đỗ Hoàng Phúc





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK (DAKWACO)**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

**BIÊN BẢN HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

(Số: 08/2023/BBH – ĐHĐCD)

**I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk; được khai mạc vào lúc: 13 giờ 30 ngày 26/4/2023 tại trụ sở Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk, số 339 Tôn Đức Thắng, P. Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**II. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI**

1. Ông Lê Thế Hoàn thay mặt Ban tổ chức Đại hội giới thiệu các Đại biểu và thành phần tham dự Đại hội.

2. Bà Lê Đặng Uyên Đan - Trưởng Ban kiểm soát đọc báo cáo kết quả kiểm tra cổ đông có đủ điều kiện tham dự Đại hội, theo đó:

- Tổng số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự: 243 cổ đông
- Tỷ lệ cổ phần đại diện và sở hữu của cổ đông tham dự: 31.081.200 cổ phần chiếm tỷ lệ 98,61 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông đã được tiến hành hợp pháp và hợp lệ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ông Lê Thế Hoàn thay mặt Ban Tổ chức giới thiệu thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban Kiểm phiếu tại Đại hội:

**Đoàn chủ tịch:**

- |                        |                                |
|------------------------|--------------------------------|
| - Ông Đỗ Hoàng Phúc    | - Chủ tịch Hội đồng quản trị   |
| - Ông Nguyễn Khắc Dân  | - Thành viên HĐQT kiêm TGD     |
| - Ông Nguyễn Công Định | - Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD |

**Ban thư ký:**

- |                       |              |
|-----------------------|--------------|
| - Ông Phan Hữu Đức    | - Trưởng ban |
| - Bà Đoàn Thị Kim Chi | - Thành viên |

**Ban kiểm phiếu:**

- |                       |              |
|-----------------------|--------------|
| - Ông Lê Bản Khánh    | - Trưởng ban |
| - Ông Nguyễn Bá Hòa   | - Thành viên |
| - Ông Nguyễn Tuấn Anh | - Thành viên |
| - Ông Lê Trung Hiếu   | - Thành viên |

Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu như trên để điều khiển Đại hội với tỷ lệ: 100 % cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

3. Ông Lê Bản Khánh thay mặt Ban kiểm phiếu đọc Quy định về thể thức làm việc và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

- Đại hội biểu quyết thông qua Quy định về thể thức làm việc và biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ: 100 % cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

4. Đoàn chủ tịch giới thiệu và thông qua nội dung Chương trình Đại hội:

- Đại hội biểu quyết thông qua việc bổ sung nội dung kiến nghị của Cổ đông Đỗ Hoàng Phương vào chương trình và nội dung cuộc họp với tỷ lệ: 100 % cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

- Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Chương trình Đại hội (đã được bổ sung) với tỷ lệ: 100 % cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

### **III. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI**

1. Ông Nguyễn Khắc Dân – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

2. Ông Đỗ Hoàng Phúc – Chủ tịch HĐQT báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2022; kế hoạch hoạt động của năm 2023.

3. Bà Lê Đặng Uyên Đan – Trưởng Ban kiểm soát báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch công tác năm 2023.

4. Ông Nguyễn Công Định trình bày các Tờ trình liên quan:

(1). Tờ trình về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022.

(2). Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, tổng mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 và Kế hoạch tổng mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023;

(3). Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023.

(4). Tờ trình Thông qua chủ trương mua nước sử sinh hoạt đối với Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty Cổ phần Cấp nước Đạt Lý

(5). Văn bản Kiến nghị của cổ đông Đỗ Hoàng Phương về bổ sung nội dung liên quan đến việc mua nước sử sinh hoạt của Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty Cổ phần Cấp nước Đạt Lý.

5. **Phát biểu và thảo luận tại Đại hội:**

Tóm tắt một số vấn đề được các cổ đông đưa ra thảo luận tại Đại hội như sau:

- Đánh giá các công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc và các phòng ban chi nhánh.

- Tôn tại thực hiện nội quy, quy chế của CNCNV trong Công ty.

- Công tác đầu tư nước uống đóng chai Ion kiềm năm 2023.

- Việc mua nước sử sinh hoạt của Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty Cổ phần Cấp nước Đạt Lý.

Các ý kiến đưa ra thảo luận đã được giải thích trực tiếp và lấy phiếu biểu quyết tại Đại hội.

**Nghị quyết của Đại hội:**

Sau khi thảo luận, các cổ đông tham dự đã nhất trí quyết nghị từng nội dung sau:

- **Nội dung 1: Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023**

Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023 (có báo cáo kèm theo), các chỉ tiêu cơ bản cụ thể:

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:**

| STT | Chỉ tiêu                      | Đơn vị               | Thực hiện 2022 | Kế hoạch 2022 | % thực hiện so với kế hoạch |
|-----|-------------------------------|----------------------|----------------|---------------|-----------------------------|
| 1   | Doanh thu                     | Tỷ đồng              | 191,53         | 184,31        | 103,92%                     |
| 2   | Nước sản xuất                 | Triệu m <sup>3</sup> | 22,17          | 21,84         | 101,48%                     |
| 3   | Nước ghi thu                  | Triệu m <sup>3</sup> | 18,17          | 18,15         | 100,13%                     |
| 4   | Nước không doanh thu          | %                    | 18,02          | 16,92         | 1,10%                       |
| 5   | Phát triển khách hàng         | Hộ                   | 5.746          | 7.568         | 75,93%                      |
| 6   | Lợi nhuận trước thuế          | Tỷ đồng              | (15,38)        | (9,56)        |                             |
| 7   | Tỷ lệ cổ tức năm 2021 dự kiến | %                    | 0 %            | 0 %           | 0 %                         |
| 8   | Vốn điều lệ                   | Tỷ đồng              | 315,2          | 315,2         | 100 %                       |

**Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:**



| STT  | Chỉ tiêu                   | Đơn vị tính          | Thực hiện 2022 | Kế hoạch 2023 | % KH2023 / TH 2022 |
|------|----------------------------|----------------------|----------------|---------------|--------------------|
| 1    | Nước sản xuất              | triệu m <sup>3</sup> | 22,17          | 23,02         | 103,86%            |
| 2    | Nước ghi thu               | triệu m <sup>3</sup> | 18,17          | 19,02         | 104,66%            |
| 3    | Nước không doanh thu       | %                    | 18,02          | 17,39         | -0,63%             |
| 4    | Doanh thu                  | Tỷ đồng              | 191,53         | 222,73        | 116,29%            |
| 4.1. | <i>Doanh thu tiền nước</i> | <i>Tỷ đồng</i>       | <i>166,67</i>  | <i>200,73</i> | <i>120,44%</i>     |
| 4.2. | <i>Doanh thu xây lắp</i>   | <i>Tỷ đồng</i>       | <i>12,35</i>   | <i>10,51</i>  | <i>85,10%</i>      |
| 4.3. | <i>Doanh thu khác</i>      | <i>Tỷ đồng</i>       | <i>12,51</i>   | <i>11,48</i>  | <i>91,77%</i>      |
| 5    | Phát triển khách hàng      | Hộ                   | 5.746          | 6.130         | 106,68%            |
| 6    | Lợi nhuận trước thuế       | Tỷ đồng              | (15,38)        | (10,91)       |                    |
| 7    | Vốn điều lệ                | Tỷ đồng              | 315,2          | 315,2         | 100%               |

Kết quả biểu quyết: 100 % thể tán thành  
0 % thể không tán thành  
0 % thể không ý kiến

**- Nội dung 2: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023**

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023 (có báo cáo kèm theo):

Kết quả biểu quyết: 100 % thể tán thành  
0 % thể không tán thành  
0 % thể không ý kiến

**- Nội dung 3: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023**

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023 (có báo cáo kèm theo):

Kết quả biểu quyết: 100 % thể tán thành  
0 % thể không tán thành  
0 % thể không ý kiến

**- Nội dung 4: Tờ trình số 02/2023/TTr – HĐQT về việc thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022**

Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022 như được nêu trong tờ trình (Văn bản đính kèm).

Kết quả biểu quyết: 100 % thể tán thành  
0 % thể không tán thành  
0 % thể không ý kiến

- **Nội dung 5: Tờ trình số 03/2023/TTr – HĐQT về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận từ ngày từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022; Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023**

Đại hội biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022; Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

**Phương án phân phối lợi nhuận từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022**

| TT | Nội dung   | ĐVT  | Thực hiện        |
|----|--|------|------------------|
| 1  | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                       | Đồng | 189.597.809.618  |
| 2  | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                            | Đồng | (15.376.429.516) |
| 3  | Lợi nhuận sau thuế TNDN 2022                                 | Đồng | (15.376.429.516) |
| 4  | Cổ tức 2022  |      | 0%               |
| 5  | Lợi nhuận chuyển năm sau                                     | Đồng | (15.376.429.516) |
| 6  | Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế từ 27/06/2019 đến 31/12/2022. | Đồng | (18.614.894.436) |

Kết quả biểu quyết:           100 % thẻ tán thành  
  0 % thẻ không tán thành  
  0 % thẻ không ý kiến

**Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) năm 2022 và Kế hoạch năm 2023**

| STT | Nội dung                      | Kế hoạch thù lao năm 2022 | Tổng thù lao đã chi năm 2022 | Kế hoạch thù lao năm 2023 |
|-----|-------------------------------|---------------------------|------------------------------|---------------------------|
| 01  | Chủ tịch HĐQT                 | 400.000.000               | 375.342.307                  | 400.000.000               |
| 02  | Phó chủ tịch HĐQT             | 250.000.000               | 100.000.000                  | 250.000.000               |
| 03  | Các TV HĐQT (03 Thành viên)   | 80.000.000                | 0                            | 80.000.000                |
| 04  | Ban kiểm soát (03 Thành viên) | 120.000.000               | 21.000.000                   | 120.000.000               |

Kết quả biểu quyết:           100 % thẻ tán thành  
  0 % thẻ không tán thành  
  0 % thẻ không ý kiến

- **Nội dung 6: Tờ trình số 04/2023/TTr – HĐQT về việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2023**

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung tờ trình về việc ủy quyền cho Chủ tịch

HDQT lựa chọn một trong các công ty Kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế trong năm và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính Công ty 2023.

Kết quả biểu quyết: 100 % thẻ tán thành  
0 % thẻ không tán thành  
0 % thẻ không ý kiến

**Nội dung 7: Tờ trình số 05/2023/TTr – HDQT V/v: Thông qua chủ trương mua nước sử sinh hoạt đối với Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty Cổ phần Cấp nước Đạt Lý**

Đại hội biểu quyết về nội dung tờ trình về việc mua nước sử sinh hoạt theo biên bản làm việc ngày 28/12/2020 đối với Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và ngày 30/11/2020 với Công ty Cổ phần Cấp nước Đạt Lý:

Kết quả biểu quyết: 36,54 % thẻ tán thành  
63,46 % thẻ không tán thành  
0 % thẻ không ý kiến

**Nội dung 8: Văn bản kiến nghị của cổ đông Đỗ Hoàng phương, đề nghị bổ sung nội dung liên quan đến việc mua nước sử sinh hoạt của Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty CP Cấp nước Đạt Lý.**

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung kiến nghị của cổ đông Đỗ Hoàng Phương:

(1). Hủy bỏ các nội dung cam kết trước đây về việc mua nước của 02 Công ty: Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty CP Cấp nước Đạt Lý.

(2). Trong trường hợp Công ty thiếu nguồn cấp nước: ủy quyền và giao cho HDQT quyết định việc mua nước của Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty CP Cấp nước Đạt Lý với sản lượng và giá mua phù hợp.

**Cơ sở thông qua:**

- Trong phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cấp nước & ĐTXD Đăk Lăk được công bố thông tin để chào bán cổ phần cho nhà đầu tư không có nội dung mua nước của 02 Công ty: Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty CP Cấp nước Đạt Lý. Mặt khác, các Công ty có tư cách pháp lý và hoạt động sản xuất kinh doanh hoàn toàn độc lập. Vì vậy, Việc mua nước của 02 Công ty trên không phải là trách nhiệm ràng buộc của Công ty CP Cấp nước Đăk Lăk.

- Tổng mức đầu tư dự án ADB khoảng 600 tỷ đồng, tuy nhiên hiện nay tổng công suất khai thác dự án ADB rất thấp: năm 2022 là 30%, đến nay 3/2023 mới đạt 40% công suất và không hiệu quả.

- Đồng thời, UBND tỉnh không thực hiện đúng cam kết với Chính phủ, Bộ Tài Chính và ADB về việc tăng giá nước theo lộ trình dẫn tới Công ty phát sinh nợ quá hạn khoản vay ADB, thua lỗ nặng nề. Khi Công ty phát sinh nợ quá hạn, UBND tỉnh

cũng không thực hiện trả nợ thay theo cam kết tại Công văn số 4322/UBND-TH ngày 03/8/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Theo Biên bản thỏa thuận mua, bán sỉ nước sinh hoạt với Công ty cổ phần cấp nước Đạt Lý ngày 30/11/2020 và Công ty TNHH cấp nước Buôn Ma Thuật ngày 28/12/2020 thì việc thỏa thuận mua bán nước trong 03 năm (năm 2021, 2022, 2023) trên cơ sở UBND tỉnh sẽ phê duyệt tăng giá nước theo lộ trình 03 năm và bắt đầu tăng từ năm 2021. Tuy nhiên, đến tháng 3/2023 UBND tỉnh mới phê duyệt tăng giá nước vì vậy nội dung Biên bản thỏa thuận không còn phù hợp.





Kết quả biểu quyết: 63,46 % thẻ tán thành  
36,54 % thẻ không tán thành  
0 % thẻ không ý kiến

Đại hội kết thúc vào lúc 16 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản đã được đọc trước Đại hội và được Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100 % số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.



**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

**ĐOÀN CHỦ TỊCH**  
**CHỦ TỊCH HĐQT      THÀNH VIÊN HĐQT      THÀNH VIÊN HĐQT**

*Đỗ Hoàng Phúc      Nguyễn Khắc Dân      Nguyễn Công Tĩnh*

**BAN THƯ KÝ**

*Phan Hữu Đức      Trần Thị Kim Chi*



Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: Số 339 đường Tôn Đức Thắng P. Tân An,  
Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 02623..852619  
Website: <https://Dakwaco.com.vn>

Số: 123/2023/BC-BTGD

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 03 năm 2023

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk

Hôm nay, Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên để tổng kết công tác sản xuất kinh doanh năm 2022 và đưa ra phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2023.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc, Tôi xin gửi đến tất cả Quý vị cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

### I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2022

#### 1. Đặc điểm tình hình

Năm 2022 là năm cả nước quyết tâm khôi phục lại các hoạt động sản xuất, kinh doanh sau 02 năm đầy khó khăn vì chống dịch Covid, Công ty CP Cấp nước Đắk Lắk vẫn luôn cố gắng duy trì mọi hoạt động sản xuất kinh doanh một cách tốt nhất để kịp thời, liên tục cấp nước cho người dân tại thành phố Buôn Ma Thuột và 07 chi nhánh các huyện trên địa bàn tỉnh. Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tự hào là doanh nghiệp có đóng góp tích cực và đi đầu trong công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Năm 2022, Công ty thực hiện tái cơ cấu tổ chức và nhân sự, dẫn đến gặp một số khó khăn trong việc đảm bảo nhân lực và tiến độ hoàn thành công việc. Bên cạnh việc phải xây dựng lại công tác quản trị doanh nghiệp, Công ty cũng gặp khó khăn tài chính do giá nước mới chưa được phê duyệt nhưng vẫn phải thực hiện trả nợ vay ADB theo như cam kết, đồng thời, sự chênh lệch tỷ giá đã làm chi phí công ty tăng đột biến, ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Dù còn nhiều khó khăn và đầy thách thức, nhưng thời gian qua Công ty đã đạt được một số kết quả tích cực, khẳng định sự chỉ đạo, điều hành đúng đắn, hiệu quả của Hội đồng quản trị và sự điều hành linh hoạt, hiệu quả của Ban Tổng giám đốc, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm và tính năng động, sáng tạo của tất cả Cán bộ, công nhân viên, người lao động, đặc biệt là sự ủng hộ của chính quyền địa phương, sự tin tưởng gắn bó của người lao động, Công ty cổ phần

Cấp nước Đắc Lắc đã hoàn thành các mục tiêu kế hoạch mà Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 giao phó.

## 2. Đánh giá hoạt động của công ty trong năm 2022.

Bám sát những định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua, Ban Tổng Giám đốc phân tích các yếu tố tác động, dự báo các ảnh hưởng, từ đó xây dựng định hướng chiến lược phát triển và triển khai kế hoạch hành động cụ thể. Một mặt duy trì và phát huy tối đa hiệu quả sử dụng của các tài sản, nguồn lực hiện hữu, nhằm phục vụ khách hàng một cách tốt nhất nhưng vẫn đảm bảo lợi ích của Công ty.

Sau khi tình hình dịch bệnh Covid đã ổn định, các hoạt động kinh doanh, buôn bán trên địa bàn tỉnh dần khôi phục, góp phần cải thiện tình hình sản xuất kinh doanh tại Công ty so với năm 2021. Ban Tổng giám đốc đã tích cực lãnh đạo Công ty điều hành sản xuất kinh doanh, bám sát các chỉ tiêu kế hoạch đề ra để thực hiện. Các chỉ tiêu kinh doanh sản xuất như tổng doanh thu, nước sản xuất và nước ghi thu cơ bản đạt kế hoạch đề ra.

### Các chỉ tiêu thực hiện cơ bản năm 2022:

| STT | Chỉ tiêu                      | Đơn vị               | Thực hiện 2022 | Kế hoạch 2022 | % thực hiện so với kế hoạch |
|-----|-------------------------------|----------------------|----------------|---------------|-----------------------------|
| 1   | Doanh thu                     | Tỷ đồng              | 191,53         | 184,31        | 103,92%                     |
| 2   | Nước sản xuất                 | Triệu m <sup>3</sup> | 22,17          | 21,84         | 101,48%                     |
| 3   | Nước ghi thu                  | Triệu m <sup>3</sup> | 18,17          | 18,15         | 100,13%                     |
| 4   | Nước không doanh thu          | %                    | 18,02          | 16,92         | 1,10%                       |
| 5   | Phát triển khách hàng         | Hộ                   | 5.746          | 7.568         | 75,93%                      |
| 6   | Lợi nhuận trước thuế          | Tỷ đồng              | (15,38)        | (9,56)        |                             |
| 7   | Tỷ lệ cổ tức năm 2021 dự kiến | %                    | 0 %            | 0 %           | 0 %                         |
| 8   | Vốn điều lệ                   | Tỷ đồng              | 315,2          | 315,2         | 100 %                       |

### 2.1. Công tác dịch vụ khách hàng

Trong hai năm 2020 và 2021, công tác đầu tư phát triển mở mạng và phát triển khách hàng mới tại Công ty đã được đẩy mạnh thực hiện, do đó, đến năm 2022, hệ thống mở mạng cơ bản đã hoàn thiện và khách hàng lắp mới tại các tuyến ống mới đã bắt đầu bão hoà, tỷ lệ khách hàng lắp đặt mới trong năm 2022 giảm so với năm 2021 và không đạt kế hoạch đề ra.

Năm 2022, Công ty tiếp tục hoàn thiện áp dụng công nghệ thông tin trong ghi - thu, chăm sóc khách hàng. Chương trình triển khai hình thức thanh toán không tiền mặt đã áp dụng tại tất cả các chi nhánh, đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến khích khách hàng thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt. Từng Chi nhánh giao chỉ tiêu cho toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty cùng thực hiện. Kết quả đến cuối năm 2022, toàn công ty có khoảng 82% khách hàng đã

thanh toán không tiền mặt. Đây là một kết quả rất tích cực, vượt xa so với kế hoạch đầu năm đã đề ra.

Trong năm vừa qua, Công ty ưu tiên triển khai tuyên truyền và áp dụng ký lại hợp đồng cung cấp nước với các khách hàng có nhiều mục đích sử dụng, đặc biệt là khách hàng kinh doanh, dịch vụ. Việc triển khai chuyển đổi mục đích sử dụng nước này đã góp phần cải thiện tăng doanh thu tại Công ty.

Công tác Ghi – Thu trong năm 2022 cơ bản đạt những yêu cầu của Hội đồng quản trị giao. Tỷ lệ tồn thu < 1%, công tác Ghi đảm bảo chính xác, đúng lịch được phân công.

## **2.2. Công tác sản xuất, quản lý mạng lưới và chất lượng nước**

### **- Công tác sản xuất:**

Trong năm 2022, công tác sản xuất nước ổn định và các sản lượng được cải thiện, nước sản xuất tăng 5,7% và nước ghi thu tăng 4,78% so với thực hiện năm 2021. Nước sản xuất đạt 101,48% kế hoạch, nước ghi thu đạt 100,13% kế hoạch đầu năm.

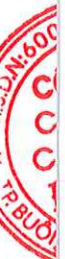
Thực hiện chủ trương hạn chế khai thác nước ngầm của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Công ty đã xây dựng kế hoạch giảm nguồn nước ngầm, đưa một số giếng vào vận hành bảo trì làm nguồn dự trữ qua đó vẫn duy trì được áp lực nước trên mạng.

Năm 2020, Công ty tiếp nhận Dự án Cấp nước cho thành phố Buôn Ma Thuột và 03 thị trấn thuộc các huyện Krông Năng, Ea Kar và Buôn Đôn. Đến năm 2022, sau gần 02 năm đi vào hoạt động, các chi nhánh này đã tạm ổn định nhân sự và vận hành. Tuy nhiên, hiện nay các nhà máy hoạt động với công suất rất thấp so với công suất thiết kế, cụ thể là nhà máy nước Ea Na công suất thiết kế 35.000m<sup>3</sup>/ngày đêm (*cung cấp nước bổ sung cho thành phố Buôn Ma Thuột, các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố*) nhưng khai thác bình quân 03 năm (2020, 2021 và 2022) chỉ đạt 37,0% so với công suất thiết kế. Các chi nhánh Krông Năng, Ea Kar và Buôn Đôn chỉ đạt từ 5 đến 15% công suất thiết kế. Do đó, các chi nhánh huyện hiện đang bị thua lỗ nhiều do chi phí lớn, doanh thu không đủ bù các chi phí vận hành và sản xuất.

- Công tác Chống thất thoát nước: Năm 2022, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo tập trung ưu tiên công tác cải tạo, chống thất thoát. Tuy nhiên, công tác chống thất thoát vẫn chưa đạt hiệu quả cao, tỷ lệ nước không doanh thu không đạt kế hoạch đề ra, tăng 0,76% so với thực hiện năm 2021 và tăng 1,1% so với kế hoạch đầu năm.

- Dự án trung tâm điều khiển tự động và lắp đặt các thiết bị điện tử hiện đại như đồng hồ điện tử, tủ điện biến tần.....đang được thay thế, lắp đặt thêm để ổn định công suất sản xuất, chống thất thoát.

### **- Công tác chất lượng nước:**



Nước sạch do Công ty cổ phần Cấp nước Đắc Lắc cung cấp đến người tiêu dùng bảo đảm đạt theo QCVN01-1: 2018/BYT (Ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018). Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm (Phòng KCS) của Công ty đã được Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam (VACI) đánh giá phù hợp theo yêu cầu Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025: 2017 về lĩnh vực thử nghiệm Hóa. Trên cơ sở đó hàng năm Phòng KCS đã thử nghiệm khoảng 400 mẫu nước sạch bao gồm các chỉ tiêu (pH, Độ đục, Độ màu và Clo tự do...) các chỉ tiêu còn lại của QCVN01-1:2018/BYT định kỳ Công ty hợp đồng với đơn vị thử nghiệm bên ngoài (Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên; Công ty TNHH Khoa học TSL thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Kỹ thuật 2 - Đà Nẵng).

Kết quả thử nghiệm nội kiểm và ngoại kiểm định kỳ trong những năm gần đây có tất cả các chỉ tiêu phân tích đều dưới ngưỡng cho phép QCVN01-1: 2018/BYT. Đây là cơ sở pháp lý khẳng định rằng chất lượng nước sạch của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắc Lắc cung cấp luôn luôn đạt chất lượng theo quy định của Bộ Y tế.

### **Công tác đồng hồ nước**

Đồng hồ lắp đặt trong đo đếm nước đảm bảo ĐLVN 17:2017 – Quy trình kiểm định đồng hồ đo nước và thực hiện kiểm định định kỳ theo Thông tư 23/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ Khoa học Công nghệ - Quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2.

Phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm (Phòng KCS) của Công ty đã được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định kiểm định đồng hồ nước đường kính D(15 ÷ 50)mm Trên cơ sở đó hàng năm Phòng KCS đã kiểm định được khoảng 17.000 đồng hồ nước bao gồm kiểm định định kỳ và lắp ráp linh kiện đồng hồ tại xưởng.

Thực hiện Quyết định số 311/QĐ-TĐC ngày 24 tháng 2 năm 2022 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về công tác kiểm định đối chứng tại Công ty Cổ phần Cấp nước Đắc Lắc. Hàng năm Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Đắc Lắc thực hiện công tác kiểm định đồng hồ đối chứng. Năm 2022 thực hiện 1.703 đồng hồ. Kết quả đạt 100% theo ĐLVN 17: 2017 Đây là cơ sở pháp lý khẳng định công tác đo lường trong Công ty luôn đảm bảo cũng như đem lại sự công bằng giữa Đơn vị cung cấp nước và người tiêu dùng.

### **2.3. Công tác đầu tư mở mạng.**

Năm 2022: Công ty đã phê duyệt đầu tư hơn 40 tỷ đồng cho công tác cải tạo, phát triển mạng lưới cấp nước ở thành phố Buôn Ma Thuột và các huyện với hơn 51.000 mét ống cấp nước được thi công và cấp nước sạch mới cho 5.744 hộ gia đình – tương đương hơn 22.000 người dân được cấp nước sạch.

Một số công trình đã được phê duyệt, tiến độ công chưa được đảm bảo theo kế hoạch ban đầu do còn gặp khó khăn về vốn và nhân lực thực hiện,



vướng mặt bằng thi công. Do đó, một số công trình có dự toán được chuyển tiếp thực hiện sang năm 2023.

#### **2.4. Công tác tài chính.**

Trong năm, Công ty cần một nguồn vốn lớn để đầu tư cải tạo, mở rộng mạng lưới cấp nước, chi trả nợ vay và chi phí cho công tác hoạt động SXKD hơn 92 tỷ đồng. Trong đó, chi trả nợ gốc và lãi vay vốn ADB của dự án cấp nước thành phố Buôn Ma Thuột và 03 huyện Ea Kar – Krông Năng – Buôn Đôn 22 tỷ đồng, chi trả vốn vay hạn mức cho các ngân hàng thương mại và quỹ đầu tư phát triển 45 tỷ đồng. Và chi đầu tư cải tạo, mở rộng mạng lưới phát triển khách hàng nhằm khai thác công suất của các nhà máy số tiền hơn 30 tỷ.

Ngoài nguồn doanh thu hàng tháng của Công ty hơn 15 tỷ đồng/tháng, Công ty cũng đã huy động giải ngân hơn 16 tỷ đồng từ nguồn vốn vay hạn mức của Ngân hàng Ngoại thương Đắk Lắk để thanh toán vốn đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, chi phí thường xuyên như tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ công nhân viên và các chi phí khác...

Trước tình hình giá bán nước sạch chưa được điều chỉnh tăng theo đúng lộ trình đã cam kết với Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), nguồn thu không đảm bảo chi phí, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả (lỗ); Tuy nhiên, Công ty cũng đã cố gắng bố trí vốn để thanh toán khoản nợ đến hạn cho Ngân hàng phát triển Châu Á (kỳ 01/12/2021 và kỳ 01/06/2022) với số tiền gần 22 tỷ đồng.

Mặc dù có nhiều khó khăn nhưng dưới sự chỉ đạo điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc công ty cũng đã bố trí phân phối nguồn vốn hợp lý kịp thời để đảm bảo nguồn vốn đầu tư mở mạng phát triển khách hàng, trả nợ vay vốn ADB, trả nợ vay vốn từ Quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk, trả nợ cho các nhà cung cấp vật tư thiết bị, thanh toán các chế độ lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên đúng hạn kịp thời. Tuy nhiên, do ảnh hưởng điều kiện khách quan của việc điều chỉnh tăng giá nước chưa đúng lộ trình đã được cam kết với ADB để thực hiện dự án Cấp nước thành phố Buôn Ma Thuột và 03 huyện cho nên các chi phí khấu hao, chi phí lãi vay và các chi phí khác liên quan chưa được cơ cấu vào giá thành nước hiện tại, vì vậy Công ty không đảm bảo nguồn thu để trả nợ vay, từ đó dẫn đến hiện nay công ty còn khoản nợ quá hạn của khoản vay ADB kỳ 01/12/2022 với số tiền 801.643,40 USD (tương đương 18,88 tỷ đồng). Khoản nợ này sẽ được cân đối thanh toán cùng các kỳ mới trong năm 2023 sau khi có điều chỉnh tăng giá nước của Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **2.5. Công tác nhân sự**

Tổng số lao động đến ngày 31/12/2022 là 325 người, trong đó: có 64 lao động nữ; lao động có trình độ đại học và trên đại học là 114 người, chiếm 35,1%; trình độ cao đẳng, trung cấp là 72 người, chiếm 22,2 %; công nhân kỹ thuật 139 người, chiếm 42.7%.

Về tình hình đời sống, việc làm và phúc lợi cho người lao động:

- Công ty vẫn duy trì công việc ổn định cho người lao động với mức thu nhập bình quân: 10.318.763 đồng/người/tháng.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe: Trong năm đã tổ chức cho CBCNV khám sức khỏe định kỳ với tổng kinh phí là 110.810.000 đồng.

- Thực hiện chế độ Bảo hiểm đối với người lao động: Công ty đã thực hiện nộp đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Cụ thể như sau:

- o Bảo hiểm xã hội: 6.348.356.560 đồng.
- o Bảo hiểm y tế: 1.133.530.254 đồng.
- o Bảo hiểm thất nghiệp: 311.535.857 đồng.

- Công tác trang bị đồng phục, bảo hộ lao động: Năm 2022 đã trang bị với tổng số tiền là: 159.572.000 đồng.

Kết quả tổng hoà các yếu tố trên đã được phản ánh đầy đủ trên báo cáo tài chính năm 2022.

## II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2023

### 1. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản

Ban Tổng Giám đốc cam kết hoạt động tích cực trên tinh thần trách nhiệm cao nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho Công ty và gia tăng giá trị cho các cổ đông. Ngoài những nhiệm vụ được giao theo các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Ban Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch năm 2023 như sau:

| STT  | Chỉ tiêu              | Đơn vị tính          | Thực hiện 2022 | Kế hoạch 2023 | % KH2023 / TH 2022 |
|------|-----------------------|----------------------|----------------|---------------|--------------------|
| 1    | Nước sản xuất         | triệu m <sup>3</sup> | 22,17          | 23,02         | 103,86%            |
| 2    | Nước ghi thu          | triệu m <sup>3</sup> | 18,17          | 19,02         | 104,66%            |
| 3    | Nước không doanh thu  | %                    | 18,02          | 17,39         | -0,63%             |
| 4    | Doanh thu             | Tỷ đồng              | 191,53         | 222,73        | 116,29%            |
| 4.1. | Doanh thu tiền nước   | Tỷ đồng              | 166,67         | 200,73        | 120,44%            |
| 4.2. | Doanh thu xây lắp     | Tỷ đồng              | 12,35          | 10,51         | 85,10%             |
| 4.3. | Doanh thu khác        | Tỷ đồng              | 12,51          | 11,48         | 91,77%             |
| 5    | Phát triển khách hàng | Hộ                   | 5.746          | 6.130         | 106,68%            |
| 6    | Lợi nhuận trước thuế  | Tỷ đồng              | (15,38)        | (10,91)       |                    |
| 7    | Vốn điều lệ           | Tỷ đồng              | 315,2          | 315,2         | 100%               |

### 2. Hành động cụ thể.

Ban Tổng Giám đốc tiếp tục tập trung chỉ đạo vào công tác khai thác để phát huy hiệu quả của dự án, đẩy nhanh tiến độ khôi phục khách hàng cũ, chuyển dịch tỷ lệ sử dụng nước sạch của các nhà hàng, khách sạn chiếm tỷ trọng lớn hơn. Đồng thời, BTGD chỉ đạo tập trung tìm kiếm nguồn vốn vay ưu đãi phát triển các dự án đầu tư mở mạng để thực hiện kế hoạch kinh doanh và chiến

lược phát triển khách hàng trong các năm tiếp theo nhằm chuẩn bị cho chiến lược trung và dài hạn của Công ty. Cụ thể, các chương trình hành động trong năm 2023 như sau:

### **2.1. Công tác dịch vụ khách hàng**

Trong năm 2023, tiếp tục vận động khách hàng sử dụng phương thức thanh toán qua các kênh trích nợ tự động, thanh toán chuyển khoản ngân hàng, thu hộ, tiến tới 95% khách hàng của toàn Công ty thanh toán không tiền mặt, còn lại khoảng 5% khách hàng tại các vùng ven sẽ tiếp tục vận động thay đổi ý thức và thói quen của khách hàng trong thời gian tới.

Công tác phát triển khách hàng cần phải triển khai và có chương trình hành động quyết liệt để đạt được kế hoạch 2023 đã đề ra. Có giải pháp hiệu quả khuyến khích khách hàng sử dụng nước trở lại và sử dụng nước tại những tuyến ống mới đầu tư, tuyên truyền, vận động người dân sử dụng nước máy thay vì nguồn nước giếng nhằm phát triển khách hàng. Tăng cường công tác chăm sóc khách hàng & quản lý nhân viên ghi thu, tránh trường hợp khiếu kiện vì ghi thu không kịp thời, ghi không chính xác.

Năm 2023, Công ty tiến hành triển khai phần mềm mới trong công tác quản lý và chăm sóc khách hàng, nghiệp vụ kế toán, kho vật tư và lắp đặt công trình khách hàng cá nhân; cải thiện và ổn định quy trình ghi thu, dịch vụ khách hàng cho phù hợp, tạo sự thống nhất trong toàn Công ty.

### **2.2. Công tác sản xuất, quản lý mạng lưới và chất lượng nước.**

Ban TGD sẽ chỉ đạo thực hiện tốt công tác bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch đối với các máy bơm, thiết bị điện tử và các công trình xử lý nước tại tất cả các nhà máy sản xuất nước nhằm duy trì ổn định vận hành sản xuất, chú trọng bảo dưỡng các thiết bị, van khóa, họng cứu hỏa trên mạng lưới, kiểm tra các tuyến ống nước thô, tuyến ống truyền tải đảm bảo vận hành an toàn.

Tăng cường các giải pháp chống thất thoát, mục tiêu đạt được trong năm 2023 là 17,39% toàn Công ty. Việc khoanh vùng, tách mạng phải khoa học, có số liệu phân tích cụ thể để bảo đảm áp lực nước, lưu lượng nước và tính liên tục của việc cấp nước.

Áp dụng phần mềm theo dõi lưu lượng và áp lực trong công tác quản lý mạng lưới - chống thất thoát nước. Tiếp tục phát huy hiệu quả của hệ thống GIS mang lại, từng bước đồng bộ dữ liệu cho toàn Công ty.

Đối với các chi nhánh có tỷ lệ thất thoát cao, cần đưa ra giải pháp đồng bộ để giảm tỷ lệ thất thoát theo kế hoạch xây dựng, các chi nhánh khác cần duy trì, từng bước giảm tỷ lệ thất thoát trong năm 2023 và các năm tiếp theo.

Rà soát, thay thế định kỳ đồng hồ khách hàng và thay thế các tuyến ống kém chất lượng.

Tăng cường kiểm soát chất lượng nước tại các nhà máy sản xuất và mạng lưới phân phối, đảm bảo chất lượng nước cấp tại vòi cho khách hàng đạt tiêu

chuẩn quy định của Bộ Y tế.

### **2.3. Công tác đầu tư mở mạng**

Kế hoạch đầu tư mở rộng mạng lưới 2023 dự kiến khoảng 50 tỷ đồng, chia làm nhiều giai đoạn đầu tư, triển khai cho 8 chi nhánh tại Công ty, chủ yếu tại Thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ, các huyện Krông Păk, Cư M'gar và Ea Súp.

Năm 2023, Công ty dự kiến xây dựng nhà máy nước tinh khiết tại Trạm bơm Ea Ko Tam – xã Ea Tu – thành phố Buôn Ma Thuột nhằm tận dụng nguồn nước nguyên liệu sẵn có của Công ty, tạo thêm việc làm cho người lao động và mang lại thêm doanh thu cho Công ty.

Hiện nay, Công ty ưu tiên đẩy mạnh áp dụng công nghệ vào công tác quản lý và vận hành sản xuất, dự kiến triển khai xây dựng tháp trung hoà clo, trung tâm điều khiển tự động và hệ thống quan trắc nước ngầm cho tất cả các nguồn khai thác nước ngầm tại Công ty. Đồng thời, để đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ nước sạch trong thời gian tới, Công ty dự kiến xin phép nâng công suất của một số nguồn khai thác hiện hữu và xây dựng thêm nhà máy tại các Chi nhánh như Buôn Hồ, Cư M'gar, và Krông Păk.

Với các dự án, công trình phát triển mạng lưới cấp nước đã được phê duyệt thực hiện: Cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện, cân đối nguồn vốn đầu tư để đạt được tiến độ theo kế hoạch.

### **2.4. Công tác tài chính**

Tiếp tục thực hiện phương án vay vốn từ các ngân hàng thương mại, đảm bảo nguồn vốn giải ngân kịp thời cho đầu tư phát triển năm 2023.

Tiếp tục xây dựng phương án gia hạn thời gian trả nợ đối với Hợp đồng vay vốn của ADB mới đảm bảo thời gian tích lũy nguồn vốn trả nợ kịp thời cho dự án, cũng như nguồn vốn hoạt động kinh doanh.

### **2.5. Công tác nhân sự**

Ban TGD cố gắng thực hiện mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, mang lại nhiều nguồn doanh thu cho Công ty, tiếp tục duy trì ổn định việc làm, tiền lương và thu nhập cho người lao động.

Đảm bảo đóng bảo hiểm và các loại chế độ cho người lao động, phụ cấp ăn trưa, thưởng tết đầy đủ, tạo cơ hội thăng tiến, khuyến khích động viên người lao động, theo dõi sức khỏe bằng cách tổ chức khám bệnh định kỳ. Bên cạnh đó, cùng công đoàn Công ty hỗ trợ tài chính cho người lao động khó khăn.

Năm 2023, Ban TGD sẽ tiếp tục rà soát, chỉnh sửa Quy chế quản trị, Quy chế trả lương, thưởng cho người lao động,... đảm bảo các điều kiện phúc lợi cơ bản và đầy đủ cho người lao động. Mục tiêu tiến đến ổn định cơ cấu và nhân sự của toàn Công ty, tạo sự tin tưởng, gắn bó của người lao động, Ban TGD cùng người lao động cùng nỗ lực, sáng tạo và đóng góp vào sự phát triển lâu dài của Công ty.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty về kết quả SXKD năm 2022 và kế hoạch năm 2023, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.



**Nguyễn Khắc Dân**







Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: Số 339 đường Tôn Đức Thắng P. Tân An,  
Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 02623..852619  
Website: <https://Dakwaco.com.vn>

Số: 01/2023/BC – HĐQT

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 03 năm 2023

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

### Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk

Thay mặt Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk, tôi xin gửi đến tất cả Quý vị cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Tháng 04 năm 2022, Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk đã tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng Quản trị ghi nhận công tác chỉ đạo điều hành của Ban Tổng Giám đốc, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm và tính năng động, sáng tạo của tất cả Cán bộ, công nhân viên, người lao động, đặc biệt là sự ủng hộ của UBND tỉnh, huyện và các cơ quan chính quyền địa phương. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk đã cơ bản hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

#### I. Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022.

##### 1. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị công ty hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động công ty.

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk đã tiến hành các cuộc họp lấy ý kiến thành viên HĐQT và ban hành 30 Nghị quyết, cụ thể như sau:

| Stt | Số Nghị quyết   | Ngày       | Nội dung  | Tỷ lệ thông qua |
|-----|-----------------|------------|---|-----------------|
| 1   | 01/2022/NQ-HĐQT | 04/01/2022 | Nghị quyết về việc thông qua miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với ông Ngô Đức Vũ | 100%            |



Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: Số 339 đường Tôn Đức Thắng P. Tân An,  
Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 02623..852619  
Website: <https://Dakwaco.com.vn>

| Stt | Số Nghị quyết   | Ngày       | Nội dung   | Tỷ lệ thông qua |
|-----|-----------------|------------|--|-----------------|
| 2   | 02/2022/NQ-HĐQT | 04/01/2022 | Nghị quyết về việc bầu ông Đỗ Hoàng Phúc giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.   | 100%            |
| 3   | 03/2022/NQ-HĐQT | 04/01/2022 | Nghị quyết về việc thông qua việc thay đổi Người đại diện theo Pháp luật của Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.   | 100%            |
| 4   | 04/2022/NQ-HĐQT | 04/01/2022 | Nghị quyết về việc chấp thuận đơn từ nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát.   | 100%            |
| 5   | 05/2022/NQ-HĐQT | 04/01/2022 | Nghị quyết về việc thông qua việc triệu tập cuộc họp Đại hội cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.   | 100%            |
| 6   | 06/2022/NQ-HĐQT | 06/01/2022 | Nghị quyết về việc bổ nhiệm bà Hoàng Thị Thu Hà giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc.   | 100%            |
| 7   | 07/2022/NQ-HĐQT | 06/01/2022 | Nghị quyết về việc phân công giao nhiệm vụ Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.   | 100%            |
| 8   | 08/2022/NQ-HĐQT | 05/01/2022 | Nghị quyết về việc thông qua các nội quy – quy chế và một số nội dung khác.  | 100%            |
| 9   | 09/2022/NQ-HĐQT | 20/01/2022 | Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2022; trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2022 thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS và Sửa Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk. | 100%            |





Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: Số 339 đường Tôn Đức Thắng P. Tân An,  
Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 02623..852619

Website: <https://Dakwaco.com.vn>

| Stt | Số Nghị quyết    | Ngày       | Nội dung  | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------|------------|---|-----------------|
| 10  | 13/2022/NQ-HĐQT  | 18/02/2022 | Nghị quyết về việc thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk. | 100%            |
| 11  | 16/2022/NQ-HĐQT  | 18/02/2022 | Nghị quyết về việc thông qua các nội quy – quy chế và một số nội dung khác.                             | 100%            |
| 12  | 18a/2022/NQ-HĐQT | 28/02/2022 | Nghị quyết về việc thông qua ký Hợp đồng thuê xe cầu số 1108/2022/HĐKT                                  | 100%            |
| 13  | 18b/2022/NQ-HĐQT | 28/02/2022 | Nghị quyết về việc thông qua quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc                                   | 100%            |
| 14  | 18/2022/NQ-HĐQT  | 08/3/2022  | Nghị quyết về việc thông qua một số nội dung trong cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 08/3/2022.           | 100%            |
| 15  | 20/2022/NQ-HĐQT  | 09/3/2022  | Nghị quyết về việc thông qua việc vay vốn tại Quỹ Đầu tư và phát triển Đắk Lắk.                         | 100%            |
| 16  | 22/2022/NQ-HĐQT  | 23/3/2022  | Nghị quyết về việc thông qua Quy chế Quản lý và sử dụng các khoản chi phí có tính phức lợi.             | 100%            |
| 17  | 23/2022/NQ-HĐQT  | 23/3/2022  | Nghị quyết về việc thông qua công tác nhân sự và bổ nhiệm mới Giám đốc Chi nhánh cấp nước Cư Mgar.      | 100%            |
| 18  | 25/2022/NQ-HĐQT  | 30/3/2022  | Nghị quyết về việc thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.                    | 100%            |



Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: Số 339 đường Tôn Đức Thắng P. Tân An,  
Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 02623..852619

Website: <https://Dakwaco.com.vn>

| Stt | Số Nghị quyết   | Ngày       | Nội dung   | Tỷ lệ thông qua |
|-----|-----------------|------------|--|-----------------|
| 19  | 27/2022/NQ-HĐQT | 07/4/2022  | Nghị quyết về việc thông qua bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh cấp nước Ea Kar và miễn nhiệm Phó Giám đốc chi nhánh cấp nước Ea Súp.                 | 100%            |
| 20  | 31/2022/NQ-HĐQT | 27/4/2022  | Nghị quyết về việc thông qua báo cáo kết quả Hoạt động SXKD quý I/2022, kế hoạch quý II/2022 và một số nội dung khác.                          | 100%            |
| 21  | 33/2022/NQ-HĐQT | 24/6/2022  | Nghị quyết về việc thông qua và ban hành Quy chế Lương khoán và Thưởng.  | 100%            |
| 22  | 35/2022/NQ-HĐQT | 15/07/2022 | Nghị quyết về việc thông qua Người phụ trách quản trị Công ty  | 100%            |
| 23  | 37/2022/NQ-HĐQT | 27/07/2022 | Nghị quyết về việc thông qua chủ trương xây dựng trụ sở làm việc chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột  | 100%            |
| 24  | 39/2022/NQ-HĐQT | 11/08/2022 | Nghị quyết về việc thông qua phương án nhân sự tại Công ty   | 100%            |
| 25  | 40/2022/NQ-HĐQT | 12/08/2022 | Nghị quyết về việc thông qua chủ trương đầu tư dự án trung tâm điều khiển SXN tự động và dự án Nhà máy SXN tinh khiết, nước ion kiềm đóng chai | 100%            |
| 26  | 42/2022/NQ-HĐQT | 12/08/2022 | Nghị quyết về việc thông qua báo cáo kết quả HĐSXKD Quý III/2022, 06 tháng đầu năm 2022 và KH quý III/2022                                     | 100%            |
| 27  | 44/2022/NQ-HĐQT | 26/10/2022 | Nghị quyết về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung quy chế lương khoán và thưởng   | 100%            |



Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: Số 339 đường Tôn Đức Thắng P. Tân An,  
Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 02623..852619  
Website: <https://Dakwaco.com.vn>

| Stt | Số Nghị quyết   | Ngày       | Nội dung  | Tỷ lệ thông qua |
|-----|-----------------|------------|---|-----------------|
| 28  | 46/2022/NQ-HĐQT | 23/11/2022 | Nghị quyết về việc thông qua báo cáo hoạt động SXKD Quý III, 9 tháng đầu năm 2022 và kế hoạch Quý IV/2022                             | 100%            |
| 29  | 47/2022/NQ-HĐQT | 23/11/2022 | Nghị quyết về việc thông qua phân công, điều chỉnh nhiệm vụ của Ban Tổng giám đốc   | 100%            |
| 30  | 48/2022/NQ-HĐQT | 23/11/2022 | Nghị quyết về việc thông qua phương án bồi thường thiệt hại và phương án xử lý khắc phục đối với sự cố truyền tải PVC D315-CN Buôn Hồ | 100%            |

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, chiến lược về nhân sự...theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk.

Hội đồng quản trị duy trì họp theo quy định mỗi quý ít nhất họp một lần để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với sự tham gia của Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc Công ty.

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các Thành viên Hội đồng quản trị cũng đã có nhiều cố gắng hoàn thành chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và Người lao động.

## **2. Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022**

Năm 2022, Công ty thực hiện tái cơ cấu tổ chức và nhân sự đảm bảo tinh gọn bộ máy nhân sự phù hợp với quy mô và nhu cầu nhân lực. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 thu lỗ nặng, không hiệu quả và gặp nhiều khó khăn về mặt tài chính do giá nước mới chưa được phê duyệt trong khi lãi suất vay vốn ADB tăng từ 0.69%/năm lên 3.1%/năm (tăng 4.5 lần); Đồng thời, biến động tăng tỷ giá đồng USD lên cao dẫn tới Công ty không đủ khả năng trả nợ vay ADB và phát sinh quá hạn, chịu lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay và các phí phạt phát sinh khác.

Bên cạnh đó, Công ty vẫn đạt được một số kết quả khả quan. Sau khi tình hình dịch bệnh covid đã ổn định, các hoạt động kinh doanh, buôn bán trên địa bàn tỉnh dần

000  
CƠ  
CỔ  
CẤP  
ĐẮ  
LẮK



Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: Số 339 đường Tôn Đức Thắng P. Tân An,  
Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 02623.852619  
Website: <https://Dakwaco.com.vn>

khôi phục, góp phần cải thiện tình hình sản xuất kinh doanh tại Công ty so với năm 2021 và cơ bản hoàn thành một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể:

| STT | Chỉ tiêu                      | Đơn vị               | Thực hiện 2022 | Kế hoạch 2022 | % thực hiện so với kế hoạch |
|-----|-------------------------------|----------------------|----------------|---------------|-----------------------------|
| 1   | Doanh thu                     | Tỷ đồng              | 191,53         | 184,31        | 103,92%                     |
| 2   | Nước sản xuất                 | Triệu m <sup>3</sup> | 22,17          | 21,84         | 101,48%                     |
| 3   | Nước ghi thu                  | Triệu m <sup>3</sup> | 18,17          | 18,15         | 100,13%                     |
| 4   | Nước không doanh thu          | %                    | 18,02          | 16,92         | 1,10%                       |
| 5   | Phát triển khách hàng         | Hộ                   | 5.746          | 7.568         | 75,93%                      |
| 6   | Lợi nhuận trước thuế          | Tỷ đồng              | (15,38)        | (9,56)        |                             |
| 7   | Tỷ lệ cổ tức năm 2021 dự kiến | %                    | 0 %            | 0 %           | 0 %                         |
| 8   | Vốn điều lệ                   | Tỷ đồng              | 315,2          | 315,2         | 100 %                       |

Lợi nhuận năm 2022 lỗ 15,38 tỷ đồng cao hơn so với kế hoạch năm 2022 gần 6 tỷ đồng nguyên nhân chính là do tăng lãi suất cho vay, phát sinh lãi, phí phạt quá hạn, chênh lệch tăng tỷ giá USD của món vay ADB.

### 3. Chi trả thù lao, tiền thưởng cho thành viên HĐQT, BKS

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022 về việc thông qua kế hoạch chi thù lao đối với HĐQT và BKS. Trong năm 2022, thực hiện chi trả thực tế tổng thù lao HĐQT và BKS cụ thể như sau:

| STT | Đối tượng           | Kế hoạch thù lao 2022 | Thực chi thù lao 2022 | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| 1   | Chủ tịch HĐQT       | 400.000.000           | 375.342.307           |         |
| 2   | Phó Chủ tịch HĐQT   | 250.000.000           | 100.000.000           |         |
| 3   | Các thành viên HĐQT | 80.000.000            | 0                     |         |
| 4   | Ban Kiểm soát       | 120.000.000           | 21.000.000            |         |
|     | <b>Tổng cộng</b>    | <b>850.000.000</b>    | <b>496.342.307</b>    |         |

### 4. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc



**Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk**  
Trụ sở: Số 339 đường Tôn Đức Thắng P. Tân An,  
Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 02623..852619

Website: <https://Dakwaco.com.vn>

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, HĐQT thực hiện chức năng giám sát bộ máy quản lý và điều hành Công ty một cách thường xuyên, liên tục thông qua những công cụ giám sát, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ SXKD, các mẫu biểu, văn bản báo cáo của Ban tổng giám đốc và cán bộ quản lý các phòng nghiệp vụ chuyên môn như sau:

+ Trong năm 2022, Ban điều hành đã thực hiện triển khai đúng và đầy đủ các Nghị quyết của HĐQT và đạt được những kết quả nhất định.

+ Ban điều hành đã có nhiều cố gắng, đoàn kết và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

- Hội đồng quản trị tin tưởng với các giải pháp linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, sự đồng lòng của cán bộ, công nhân viên, người lao động, Công ty sẽ đạt được các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông tin tưởng giao phó, từng bước khắc phục các trở ngại trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phía trước.

### **Kết quả giám sát đối với Trưởng - Phó các Phòng ban, Chi nhánh:**

- Hội đồng quản trị luôn song hành cùng Ban điều hành và Trưởng – Phó các bộ phận trong từng hoạt động, đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên làm việc với Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác, định kỳ họp giao ban bình quân 01 lần/tháng. Các thành viên của Hội đồng quản trị thường xuyên hội ý, thống nhất các giải pháp về đầu tư, tài chính, kinh doanh, giảm thiểu các chi phí vận hành để đảm bảo nguồn tài chính của công ty... Vì vậy, Công ty đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ đã được Đại hội cổ đông năm 2022 đề ra.

## **II. Kế hoạch hoạt động HĐQT năm 2023**

- Năm 2023, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy trình, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị để kịp thời phối hợp và xử lý xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công tác quản trị và tối đa lợi ích của cổ đông.

- Hội đồng quản trị cam kết hoạt động tích cực trên tinh thần trách nhiệm cao nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho Công ty và gia tăng giá trị cho các cổ đông. Ngoài những nhiệm vụ được giao theo các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch năm 2023 như sau.

### **1. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản.**





Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
 Trụ sở: Số 339 đường Tôn Đức Thắng P. Tân An,  
 Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 02623..852619  
 Website: <https://Dakwaco.com.vn>

| STT  | Chỉ tiêu                   | Đơn vị tính          | Thực hiện 2022 | Kế hoạch 2023 | % KH2023 / TH 2022 |
|------|----------------------------|----------------------|----------------|---------------|--------------------|
| 1    | Nước sản xuất              | triệu m <sup>3</sup> | 22,17          | 23,02         | 103,86%            |
| 2    | Nước ghi thu               | triệu m <sup>3</sup> | 18,17          | 19,02         | 104,66%            |
| 3    | Nước không doanh thu       | %                    | 18,02          | 17,39         | -0,63%             |
| 4    | Doanh thu                  | Tỷ đồng              | 191,53         | 222,73        | 116,29%            |
| 4.1. | <i>Doanh thu tiền nước</i> | <i>Tỷ đồng</i>       | <i>166,67</i>  | <i>200,73</i> | <i>120,44%</i>     |
| 4.2. | <i>Doanh thu xây lắp</i>   | <i>Tỷ đồng</i>       | <i>12,35</i>   | <i>10,51</i>  | <i>85,10%</i>      |
| 4.3. | <i>Doanh thu khác</i>      | <i>Tỷ đồng</i>       | <i>12,51</i>   | <i>11,48</i>  | <i>91,77%</i>      |
| 5    | Phát triển khách hàng      | Hộ                   | 5.746          | 6.130         | 106,68%            |
| 6    | Lợi nhuận trước thuế       | Tỷ đồng              | (15,38)        | (10,91)       |                    |
| 7    | Vốn điều lệ                | Tỷ đồng              | 315,2          | 315,2         | 100%               |

## 2. Giải pháp thực hiện.

- HĐQT tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh khai thác để phát huy hiệu quả của dự án, đẩy nhanh tiến độ khôi phục khách hàng cũ, chuyển dịch tỷ lệ sử dụng nước sạch của các nhà hàng, khách sạn chiếm tỷ trọng lớn hơn.

- Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước và lắp đặt hệ thống cung cấp nước sạch, dự kiến xin phép nâng công suất khai thác các nguồn hiện hữu, đầu tư xây dựng thêm nhà máy tại một số chi nhánh, đảm bảo tầm xa 10-15 năm và bám sát quy hoạch, định hướng phát triển đô thị của địa phương.

- Giao Ban điều hành xây dựng các phương án chống thất thoát hiệu quả. Thực hiện cải tạo, nâng cấp và thay mới hệ thống nước đã xuống cấp, hư hỏng.

- Tập trung và đẩy nhanh tiến độ thực hiện tăng giá nước, để tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và có dòng tiền chi trả vốn vay ADB và nguồn vốn đầu tư phát triển.

- Thực hiện khảo sát và đầu tư hệ thống công nghệ tự động hóa đồng bộ hoạt động sản xuất nước.

- Tận dụng nguồn lực và tiềm năng hiện hữu sẵn có của Công ty, thực hiện xây dựng nhà máy nước tinh khiết mở rộng việc làm và doanh thu cho Công ty.



**Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk**  
Trụ sở: Số 339 đường Tôn Đức Thắng P. Tân An,  
Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 02623..852619  
Website: <https://Dakwaco.com.vn>

- Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, năm 2023 thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT sẽ từng bước hoàn thiện các quy chế, quy trình, giám sát công tác điều hành của Ban điều hành để kịp thời phối hợp và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Ban TGD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

**CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN**  
**CẤP NƯỚC**  
**ĐẮK LẮK**

**ĐỖ HOÀNG PHÚC**









Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk Tel: 02623.852619  
Trụ sở: 339 đường Tôn Đức Thắng, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Website: <https://Dakwaco.com.vn>



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**  
(Số: 01/2023/BC – BKS)

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần cấp nước Đắk Lắk**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần cấp nước Đắk Lắk;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát đã được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần cấp nước Đắk Lắk;

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022;

Theo chương trình kiểm soát năm 2022, Ban kiểm soát Công ty (“BKS”) xin báo cáo trình Đại hội cổ đông về kết quả kiểm soát như sau:

**I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022:**

**1. Báo cáo đánh giá về hợp đồng, giao dịch của công ty với những người có liên quan.**

Trong năm 2022, Hội Đồng Quản Trị đã thông qua chấp thuận việc ký kết hợp đồng thuê xe số 1108/2022/HĐKT/NP-ĐL của CTCP cấp nước Đắk Lắk với Công ty TNHH Đầu tư và TM Nam Phương (Công ty thuộc sở hữu của cổ đông lớn là bà Phạm Thị Linh đồng thời là vợ ông Đỗ Hoàng Phúc chủ tịch HĐQT). Tổng giá trị hợp đồng là 720.000.000 đồng (Chưa bao gồm thuế GTGT) và giá trị này nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính năm 2021. Việc chấp thuận hợp đồng này đã tuân thủ đúng theo quy định tại Khoản 2 Điều 167 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 về thẩm quyền phê duyệt việc giao kết hợp đồng giữa công ty với người có liên quan.

Ngoài ra, trong năm 2022 công ty không có phát sinh giao dịch nào khác giữa công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và những người liên quan của họ; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

**2. Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty:**

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty được kiểm toán bởi **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH PHÍA BẮC**; Báo cáo tài chính được





Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: 339 đường Tôn Đức Thắng, P. Tân  
An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tel: 02623.852619  
Website: <https://Dakwaco.com.vn>

Đơn vị kiểm toán xác nhận đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần cấp nước Đắk Lắk tại thời điểm 31/12/2022, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Các chỉ tiêu cơ bản theo Báo cáo tài chính kiểm toán như sau:

Đơn vị tính: đồng

| STT | Chỉ tiêu                                 | Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 |
|-----|--|------------------------------|
| 1   | Tổng doanh thu                           | 189.597.809.618              |
| 2   | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế        | (15.376.429.516)             |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (15.376.429.516)             |
| 4   | Tài sản ngắn hạn                         | 195.253.072.954              |
| 5   | Tài sản dài hạn                          | 653.261.822.671              |
| 6   | Nợ phải trả                              | 551.929.790.061              |
| 7   | Vốn chủ sở hữu                           | 296.585.105.564              |

### 3. Thù lao, tiền thưởng của Ban Kiểm soát năm 2022:

Ban kiểm soát đã nỗ lực trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao và đã được chi trả thù lao, tiền thưởng với tổng số tiền là 24.000.000 đ/năm.

### 4. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành năm 2022:

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã triển khai hoạt động giám sát theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát không phát hiện gian lận trong hoạt động điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành cũng như trưởng các phòng ban của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành được tổ chức theo đúng quy định (Đối với cuộc họp HĐQT đảm bảo tối thiểu họp 01 lần/Quý, tổng cộng HĐQT đã tổ chức 20 cuộc họp). Các Nghị quyết được ban hành trên cơ sở tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty và các Cổ đông.

### 5. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông:

- BKS phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, giám sát việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) và các nghị quyết HĐQT.



Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk      Tel: 02623.852619  
Trụ sở: 339 đường Tôn Đức Thắng, P. Tân      Website: <https://Dakwaco.com.vn>  
An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- BKS đã nhận được đầy đủ các thông tin, nội dung cuộc họp cũng như nghị quyết của HĐQT, Báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý, báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty.

- Kiểm soát viên tham dự các phiên họp của HĐQT, trên cơ sở đó kịp thời theo sát các hoạt động của Công ty và việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- BKS duy trì độc lập trong hoạt động kiểm tra giám sát của mình. Trong năm, BKS cũng chưa nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của HĐQT, BKS, BTGD và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

#### **6. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:**

- Trong năm 2022, BKS đã tổ chức họp 02 lần (đảm bảo tuân thủ 06 tháng tổ chức họp 01 lần) nhằm phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong ban để đạt được hiệu quả cao trong quá trình kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty; kiểm tra giám sát tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Ban điều hành theo các quy định quản trị doanh nghiệp và điều lệ công ty.

- Đồng thời tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, trực tiếp làm việc với ban điều hành để thảo luận về các vấn đề liên quan đến việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty.

- Theo đó, qua công tác kiểm tra kiểm soát hoạt động của Công ty năm 2022, BKS có kết luận như sau:

6.1. Về cơ bản Công ty và các thành viên HĐQT, BKS, BTGD, KTT của Công ty đã tuân thủ các quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty. Năm 2022, không xảy ra vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của các cổ đông, BKS không nhận được yêu cầu kiểm tra vi phạm hay các yêu cầu khác từ cổ đông.

6.2. Về tình hình tài chính công ty, đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022 đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về công nợ phải thu, phải trả chưa đối chiếu và chi phí cổ phần hóa chưa được quyết toán, chưa được xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang công ty cổ phần. Dẫn đến 03 năm liên tiếp Báo cáo tài chính công ty đã bị đơn vị kiểm toán đưa ra ý kiến ngoại trừ. Vì vậy, kính đề nghị Ban lãnh đạo chỉ đạo phòng ban chuyên môn đẩy nhanh hoàn thiện công tác quyết toán bàn giao từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần và xử lý các vấn đề tài chính còn tồn đọng tại công ty.

6.3. Về một số nội dung khác:

- Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14, Thông tư số 96/2020/TT – BTC và các văn bản liên quan khác về thực hiện việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam đối với loại hình công ty đại chúng.





Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: 339 đường Tôn Đức Thắng, P. Tân  
An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tel: 02623.852619  
Website: [Https://Dakwaco.com.vn](https://Dakwaco.com.vn)

- Công ty đảm bảo về tình hình đời sống, việc làm và các chế độ phúc lợi cho người lao động như các chế độ lương, BHXH, khám sức khỏe định kỳ, trang bị bảo hộ lao động... đầy đủ theo đúng quy định pháp luật, quy chế nội quy của công ty.

## **II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2023**

- Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban trong việc thực hiện triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết HĐQT và trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.

- Phân giao nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên trong Ban để công tác kiểm tra, giám sát đạt kết quả tốt nhất.

- Tham dự các cuộc họp HĐQT để thảo luận và nắm bắt đầy đủ về các vấn đề liên quan đến việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

*Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.*

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 03 năm 2023

**T/M BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Lê Đặng Uyên Đan**





Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: 339 đường Tôn Đức Thắng, P. Tân  
An, TP. Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk.

Tel: 02623.852.619  
Website: <https://Dakwaco.com.vn>

Số: 02/2023/TTr-HĐQT

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 03 năm 2023

## TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022 (Báo cáo tài chính được đính kèm).

*Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VT,



**Đỗ Hoàng Phúc**



Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: 339 đường Tôn Đức Thắng P. Tân An TP.  
Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tel: 02623.852.619  
Website: <https://Dakwaco.com.vn>

Số: 03/2023/TTr-HĐQT

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 03 năm 2023

## TỜ TRÌNH

V/v: **Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022**  
**Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch 2023**

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.**

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm 2022 của Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk, Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, tổng mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 và Kế hoạch tổng mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 như sau:

### I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

| TT | Nội dung   | ĐVT  | Thực hiện        |
|----|--|------|------------------|
| 1  | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                       | Đồng | 189.597.809.618  |
| 2  | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                            | Đồng | (15.376.429.516) |
| 3  | Lợi nhuận sau thuế TNDN 2022                                 | Đồng | (15.376.429.516) |
| 4  | Cổ tức 2022  |      | 0%               |
| 5  | Lợi nhuận chuyển năm sau                                     | Đồng | (15.376.429.516) |
| 6  | Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế từ 27/06/2019 đến 31/12/2022. | Đồng | (18.614.894.436) |

### II. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và Kế hoạch tổng mức thù lao năm 2023

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tổng mức thù lao đã chi trả cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch tổng mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: Đồng/năm

| STT | Nội dung          | Kế hoạch thù lao năm 2022 | Tổng thù lao đã chi năm 2022 | Kế hoạch thù lao năm 2023 |
|-----|-------------------|---------------------------|------------------------------|---------------------------|
| 01  | Chủ tịch HĐQT     | 400.000.000               | 375.342.307                  | 400.000.000               |
| 02  | Phó chủ tịch HĐQT | 250.000.000               | 100.000.000                  | 250.000.000               |
| 03  | Các TV HĐQT (03)  | 80.000.000                | 0                            | 80.000.000                |

|    |                                  |             |            |             |
|----|----------------------------------|-------------|------------|-------------|
|    | Thành viên)                      |             |            |             |
| 04 | Ban kiểm soát (03<br>Thành viên) | 120.000.000 | 21.000.000 | 120.000.000 |

**Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Đỗ Hoàng Phúc**



Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: 339 đường Tôn Đức Thắng, P. Tân An,  
TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tel: 02623.852.619  
Website: *Dakwaco.com.vn*

Số: 04/2023/TTr-HĐQT

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 3 năm 2023

## TỜ TRÌNH

*V/v lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023*

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk**

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk và các quy định của pháp luật. Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty dựa vào các tiêu chí như sau:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, tuân thủ các quy định của pháp luật về các điều kiện đối với tổ chức kiểm toán được chấp thuận.
- Thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của pháp luật;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán và có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng, công ty niêm yết và các tổ chức ngân hàng, tài chính lớn tại Việt Nam;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán.

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023 phù hợp với tình hình thực tế trong năm và đáp ứng các tiêu chí trên.

*Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.*



**Đỗ Hoàng Phúc**





Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
 Trụ sở: 339 đường Tôn Đức Thắng P. Tân An  
 TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 02623..852619  
 Website: <https://Dakwaco.com.vn>

Số: 05/2023/TTr-HĐQT

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 03 năm 2023

## TỜ TRÌNH

V/v: **Thông qua chủ trương mua nước sử sinh hoạt đối với Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty Cổ phần Cấp nước Đạt Lý**

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk**

Ngày 07/3/2023 Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND về việc quy định giá bán nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có hiệu lực từ ngày 20/3/2023. Công ty thực hiện áp dụng giá nước sạch mới từ tháng 4/2023.

Theo Biên bản thỏa thuận mua, bán sử nước sinh hoạt giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk với Công ty CP Cấp nước Đạt Lý ngày 30/11/2020 và Công ty TNHH cấp nước Buôn Ma Thuột ngày 28/12/2020, cụ thể như sau:

| Năm  | Cty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột |                   |                       | Cty TNHH CP Cấp nước Đạt Lý |                   |                       | Tổng<br>(đồng/năm)    | Ghi chú       |
|------|---------------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
|      | Sản lượng<br>(m3)               | Đơn giá<br>(đồng) | Thành tiền<br>(đồng)  | Sản lượng<br>(m3)           | Đơn giá<br>(đồng) | Thành tiền<br>(đồng)  |                       |               |
| 2023 | 1,063,530                       | 6,500             | 6,912,945,000         | 235,980                     | 5,376             | 1,268,628,480         | 8,181,573,480         | Từ T4 đến T12 |
| 2024 | 2,570,400                       | 7,423             | 19,080,079,200        | 656,280                     | 5,780             | 3,793,298,400         | 22,873,377,600        |               |
| 2025 | 3,255,120                       | 9,279             | 30,204,258,480        | 1,080,000                   | 5,631             | 6,081,480,000         | 36,285,738,480        |               |
| Tổng | <b>6,889,050</b>                |                   | <b>56,197,282,680</b> | <b>1,972,260</b>            |                   | <b>11,143,406,880</b> | <b>67,340,689,560</b> |               |

Tuy nhiên, thực trạng tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay tiếp tục thua lỗ và rất khó khăn vì:

- Lãi suất vay vốn ADB từ 0.69%/năm lên 3,109%/năm (gấp 4.5 lần tương ứng tăng hơn 10 tỷ tiền lãi/năm), tỷ giá đô la Mỹ so với đồng Việt Nam đến cuối năm 2022 tăng hơn 20% so với tỷ giá trước đây tương ứng với việc Công ty phải trả nợ tiền vay bằng việc mua USD tăng lên 20%.

- UBND tỉnh không thực hiện đúng cam kết tăng giá nước theo đúng lộ trình dẫn tới Công ty không đủ khả năng trả nợ vay ADB nên phát sinh nợ quá hạn với lãi suất 150% lãi suất cho vay và phát sinh các khoản phí phạt khác.

- Hiện nay, các nhà máy cấp nước thuộc dự án ADB đều hoạt động khai thác với công suất rất thấp so với công suất thiết kế, không hiệu quả, trong đó: Nhà máy Ea Na - 37%, Krông Năng -5,0%; Buôn Đôn -12%; Ea Kar -17%.

Vì vậy, Hội đồng quản trị trình đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định về mua nước đối với sản lượng và đơn giá theo biên bản làm việc ngày 28/12/2020 đối với Công ty



Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: 339 đường Tôn Đức Thắng P. Tân An  
TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 02623..852619  
Website: <https://Dakwaco.com.vn>

TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và ngày 28/12/2020 với Công ty Cổ phần Cấp nước Đạt Lý.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VT.



**Đỗ Hoàng Phúc**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Ninh Bình, ngày 19 tháng 04 năm 2023*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Cấp nước Đăk Lăk  
Hội đồng quản trị Công ty CP Cấp nước Đăk Lăk**

Tôi tên là: Đỗ Hoàng Phương hiện đang sở hữu 5.835.200 cổ phần tương đương 18,51% vốn điều lệ Công ty.

Tôi làm văn bản này kiến nghị bổ sung nội dung liên quan đến việc mua nước sử sinh hoạt của Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty CP Cấp nước Đạt Lý vào chương trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Đăk Lăk thường niên năm 2023, cụ thể như sau:

1. Hủy bỏ các nội dung cam kết trước đây về việc mua nước của 02 Công ty: Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty CP Cấp nước Đạt Lý.

2. Trong trường hợp Công ty thiếu nguồn cấp nước: ủy quyền và giao cho HĐQT quyết định việc mua nước của Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty CP Cấp nước Đạt Lý với sản lượng và giá mua phù hợp.

**Cơ sở kiến nghị:**

- Trong phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cấp nước & ĐTXD Đăk Lăk được công bố thông tin để chào bán cổ phần cho nhà đầu tư không có nội dung mua nước của 02 Công ty: Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty CP Cấp nước Đạt Lý. Mặt khác, các Công ty có tư cách pháp lý và hoạt động sản xuất kinh doanh hoàn toàn độc lập. Vì vậy, phải khẳng định việc mua nước của 02 Công ty trên không phải là trách nhiệm ràng buộc của Công ty CP cấp nước Đăk Lăk.

- Tổng mức đầu tư dự án ADB khoảng 600 tỷ đồng, tuy nhiên hiện nay tổng công suất khai thác dự án ADB rất thấp: năm 2022 là 30%, đến nay 3/2023 mới đạt 40% công suất và không hiệu quả.

- Đồng thời, UBND tỉnh không thực hiện đúng cam kết với Chính phủ, Bộ Tài Chính và ADB về việc tăng giá nước theo lộ trình dẫn tới Công ty phát sinh nợ quá hạn khoản vay ADB, thua lỗ nặng nề. Khi Công ty phát sinh nợ quá hạn, UBND tỉnh cũng không thực hiện trả nợ thay theo cam kết tại Công văn số 4322/UBND-TH ngày 03/8/2012 của UBND tỉnh Đăk Lăk.

- Theo Biên bản thỏa thuận mua, bán sử nước sinh hoạt với Công ty cổ phần cấp nước Đạt Lý ngày 30/11/2020 và Công ty TNHH cấp nước Buôn Ma Thuột ngày 28/12/2020 thì việc thỏa thuận mua bán nước trong 03 năm (năm 2021, 2022, 2023) trên cơ sở UBND tỉnh sẽ phê duyệt tăng giá nước theo lộ trình 03 năm và bắt đầu tăng từ năm

2021. Tuy nhiên, đến tháng 3/2023 UBND tỉnh mới phê duyệt tăng giá nước vì vậy nội dung Biên bản thỏa thuận không còn phù hợp.

Trân trọng!

**CỔ ĐÔNG**

A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized 'P' followed by a flourish.

**Đỗ Hoàng Phương**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



## **MỤC LỤC**

|                                       | Trang   |
|---------------------------------------|---------|
| <b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>  | 1 – 3   |
| <b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>      | 4 – 5   |
| <b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN</b> |         |
| Bảng cân đối kế toán                  | 6 – 7   |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh        | 8       |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ            | 9       |
| Thuyết minh báo cáo tài chính         | 10 – 34 |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk được cổ phần hóa theo quyết định 3514/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Công ty hoạt động theo cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175995 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, Công ty nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 phê duyệt việc chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty là 315.200.000.000 VND (Ba trăm mười lăm tỷ hai trăm triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

## 2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

|                      |                   |                            |
|----------------------|-------------------|----------------------------|
| Ông Đỗ Hoàng Phúc    | Chủ tịch HĐQT     | Bổ nhiệm ngày 04/01/2022   |
| Ông Đỗ Hoàng Phúc    | Chủ tịch HĐQT     | Bổ nhiệm ngày 04/01/2022   |
| Ông Ngô Đức Vũ       | Chủ tịch HĐQT     | Miễn nhiệm ngày 04/01/2022 |
| Ông Lê Tuấn          | Thành viên        | Miễn nhiệm ngày 18/02/2022 |
| Ông Nguyễn Công Định | Thành viên        |                            |
| Ông Nguyễn Khắc Dân  | Thành viên        |                            |
| Bà Phạm Thị Linh     | Thành viên        | Bổ nhiệm ngày 18/02/2022   |
| Ông Đỗ Hoàng Phương  | Phó Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 18/02/2022   |

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

|                      |                   |                          |
|----------------------|-------------------|--------------------------|
| Ông Nguyễn Khắc Dân  | Tổng Giám đốc     |                          |
| Ông Nguyễn Hùng      | Phó Tổng Giám đốc |                          |
| Ông Nguyễn Công Định | Phó Tổng Giám đốc |                          |
| Bà Hoàng Thị Thu Hà  | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06/01/2022 |
| Ông Trần Quốc Độ     | Kế toán trưởng    |                          |

### Ban Kiểm soát

|                       |            |                            |
|-----------------------|------------|----------------------------|
| Bà Lê Đặng Nguyên Đan | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 18/02/2022   |
| Bà Hoàng Thị Thu Hà   | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 04/01/2022 |
| Bà Phan Thùy Giang    | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 04/01/2022 |
| Bà Lê Thị Mai Ngọc    | Thành viên |                            |
| Bà Hà Thị Thu Huyền   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/02/2022   |

### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Đỗ Hoàng Phúc - Chủ tịch Hội đồng quản trị (sinh ngày 03/7/1957; dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số 037057001333 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 20/11/2017; địa chỉ thường trú: số 12 đường Trịnh Tú, phố Kim Đa, đường Ninh Khánh, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng kỳ này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

### 6. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 7. Cam kết về công bố thông tin

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

**8. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



*[Handwritten signature]*

---

**Đỗ Hoàng Phúc**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Đắk Lắk, Việt Nam  
Ngày 10 tháng 03 năm 2023



Số: 039/2023/BCKT-PB.00463

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2022 ở khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và xây dựng cơ bản dở dang trên bảng cân đối kế toán còn tồn đọng một số công trình dở dang với tổng giá trị là 2.064.060.569 VND đã phát sinh từ các năm trước và không tiếp tục thực hiện trong năm hiện tại. Công ty chưa tiến hành đánh giá giá trị có thể thu hồi của các công trình này. Với các tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính chính xác và khả năng thu hồi của khoản mục này cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Đến thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần do các vấn đề xử lý các tồn tại tài chính còn vướng mắc. Giá trị khoản phải trả Nhà nước về cổ phần hóa đang được ghi nhận ở khoản mục phải trả khác trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.497.465.174 VND. Tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan quản lý, các số liệu trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi khi có quyết định chính thức.

Các khoản công nợ phải thu, phải trả trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được đối chiếu và xác nhận với các đối tượng phải thu, phải trả trong đó: phải thu khách hàng với số tiền là 4.044.469.208 VND, trả trước cho người bán với số tiền là 237.933.000 VND, phải thu khác với số tiền là 1.491.650.727 VND và phải trả người bán với số tiền là 496.904.992 VND. Theo đó chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính chính xác, tính hiện hữu và khả năng thu hồi của các số dư này cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty đang theo dõi ở khoản mục phải trả khác trên bảng cân đối kế toán khoản vay vốn Chính phủ Nhật Bản theo Quyết định số 882/QĐ-UB ngày 05/04/2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đầu tư dự án Cấp nước Thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'Gar với số tiền là 8.059.727.581 VND. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa xác định được đối tượng cho vay, thời hạn và lãi suất vay.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác và kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về công nợ phải thu, phải trả chưa đối chiếu và chi phí cổ phần hóa chưa quyết toán đối với báo cáo này.



**ONG THẾ ĐỨC**

**Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 0855 - 2023 - 009 - 1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM -  
CHI NHÁNH PHỐ BẮC**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

**ĐẶNG NGỌC KHÁNH**

**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 2505 - 2019 - 009 - 1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01 - DN

| CHỈ TIÊU                                     | Mã số      | TM         | 31/12/2022<br>VND      | 01/01/2022<br>VND      |
|--|------------|------------|------------------------|------------------------|
| <b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |            | <b>115.865.387.483</b> | <b>136.224.028.185</b> |
| <b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>5.1</b> | <b>2.213.832.510</b>   | <b>11.621.418.937</b>  |
| 1. Tiền                                      | 111        |            | 2.213.832.510          | 11.621.418.937         |
| <b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> |            | <b>14.500.000.000</b>  | <b>511.000.000</b>     |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 123        | <b>5.2</b> | 14.500.000.000         | 511.000.000            |
| <b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |            | <b>35.393.357.800</b>  | <b>99.310.408.527</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 5.3        | 10.316.378.219         | 9.461.739.478          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | 5.4        | 3.114.653.637          | 819.995.000            |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 5.5        | 26.325.887.039         | 90.678.666.878         |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        | 5.8        | (4.363.561.095)        | (1.649.992.829)        |
| <b>IV/ Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> | <b>5.6</b> | <b>21.688.542.436</b>  | <b>24.642.894.883</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |            | 21.688.542.436         | 24.642.894.883         |
| <b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |            | <b>42.069.654.737</b>  | <b>138.305.838</b>     |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        | 5.7        | 28.893.288             | 138.305.838            |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152        |            | 42.040.761.449         | -                      |
| <b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |            | <b>653.261.822.671</b> | <b>691.634.568.615</b> |
| <b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |            | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>II/ Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |            | <b>616.436.499.073</b> | <b>656.927.824.192</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 5.9        | 612.636.640.283        | 652.455.861.522        |
| - Nguyên giá                                 | 222        |            | 1.068.970.972.291      | 1.029.675.619.151      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |            | (456.334.332.008)      | (377.219.757.629)      |
| 2. Tài sản cố định vô hình                   | 227        | 5.10       | 3.799.858.790          | 4.471.962.670          |
| - Nguyên giá                                 | 228        |            | 6.276.734.545          | 6.118.264.545          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 229        |            | (2.476.875.755)        | (1.646.301.875)        |
| <b>III/ Bất động sản đầu tư</b>              | <b>230</b> |            | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>           | <b>240</b> |            | <b>10.453.981.797</b>  | <b>9.255.531.338</b>   |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 242        | 5.11       | 10.453.981.797         | 9.255.531.338          |
| <b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | <b>250</b> |            | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b> |            | <b>26.371.341.801</b>  | <b>25.451.213.085</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | 5.7        | 26.371.341.801         | 25.451.213.085         |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     | <b>270</b> |            | <b>769.127.210.154</b> | <b>827.858.596.800</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01 - DN

| CHỈ TIÊU                                       | Mã số      | TM          | 31/12/2022<br>VND      | 01/01/2022<br>VND      |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>                          | <b>300</b> |             | <b>472.542.104.590</b> | <b>515.897.061.720</b> |
| <b>I/ Nợ ngắn hạn</b>                          | <b>310</b> |             | <b>91.395.933.066</b>  | <b>114.266.728.533</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 311        | 5.12        | 12.593.652.672         | 16.020.326.621         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           | 312        | 5.13        | 102.979.547            | 788.940.291            |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 313        | 5.14        | 1.605.435.146          | 1.820.940.628          |
| 4. Phải trả người lao động                     | 314        |             | 7.844.126.621          | 9.290.095.652          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 315        | 5.15        | 2.093.392.420          | 2.614.944.439          |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                      | 319        | 5.16        | 17.318.885.737         | 17.942.765.673         |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn           | 320        | 5.17        | 46.189.271.779         | 62.140.526.085         |
| 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi                    | 322        |             | 3.648.189.144          | 3.648.189.144          |
| <b>II/ Nợ dài hạn</b>                          | <b>330</b> |             | <b>381.146.171.524</b> | <b>401.630.333.187</b> |
| 1. Phải trả dài hạn khác                       | 337        | 5.16        | 1.155.026.003          | 934.526.003            |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn            | 338        | 5.17        | 379.991.145.521        | 400.695.807.184        |
| <b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                       | <b>400</b> |             | <b>296.585.105.564</b> | <b>311.961.535.080</b> |
| <b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410</b> | <b>5.18</b> | <b>296.585.105.564</b> | <b>311.961.535.080</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                      | 411        |             | 315.200.000.000        | 315.200.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411a       |             | 315.200.000.000        | 315.200.000.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                              | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | (18.614.894.436)       | (3.238.464.920)        |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | (3.238.464.920)        | (3.915.306.932)        |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | (15.376.429.516)       | 676.842.012            |
| <b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>          | <b>430</b> |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     | <b>440</b> |             | <b>769.127.210.154</b> | <b>827.858.596.800</b> |



Đỗ Hoàng Phúc  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị  
 Đắk Lắk, Việt Nam  
 Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Trần Quốc Độ  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hiền  
 Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B02 - DN**

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh | Năm 2022                | Năm 2021               |
|---|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
|   |           |             | VND                     | VND                    |
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>          | <b>01</b> | <b>6.1</b>  | <b>189.597.809.618</b>  | <b>179.014.188.314</b> |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                           | 02        |             | 62.869.945              | 90.840.504             |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>10</b> |             | <b>189.534.939.673</b>  | <b>178.923.347.810</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán                                       | 11        | 6.2         | 111.925.805.619         | 115.615.783.038        |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>20</b> |             | <b>77.609.134.054</b>   | <b>63.307.564.772</b>  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                          | 21        | 6.3         | 1.388.954.616           | 3.179.682.185          |
| 7. Chi phí tài chính                                      | 22        | 6.4         | 26.227.794.578          | 3.526.628.819          |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                          | 23        |             | 12.064.353.556          | 3.526.628.819          |
| 8. Chi phí bán hàng                                       | 25        | 6.5         | 41.659.817.092          | 41.984.011.137         |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 26        | 6.6         | 26.355.658.099          | 20.903.298.442         |
| <b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>        | <b>30</b> |             | <b>(15.245.181.099)</b> | <b>73.308.559</b>      |
| 11. Thu nhập khác   | 31        | 6.7         | 610.660.385             | 820.330.090            |
| 12. Chi phí khác  | 32        | 6.8         | 741.908.802             | 216.796.637            |
| <b>13. Lợi nhuận khác</b>                                 | <b>40</b> |             | <b>(131.248.417)</b>    | <b>603.533.453</b>     |
| <b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>              | <b>50</b> |             | <b>(15.376.429.516)</b> | <b>676.842.012</b>     |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                           | 51        | 6.9         | -                       | -                      |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                            | 52        |             | -                       | -                      |
| <b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>       | <b>60</b> |             | <b>(15.376.429.516)</b> | <b>676.842.012</b>     |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                              | 70        | 6.10        | (488)                   | 21                     |
| 19. Lãi sau thuế trên cổ phiếu                            | 71        | 6.11        | (488)                   | 21                     |



**Đỗ Hoàng Phúc**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**  
Đắk Lắk, Việt Nam  
Ngày 10 tháng 03 năm 2023

**Trần Quốc Độ**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**  
**Người lập biểu**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B03 - DN**

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Năm 2022<br>VND         | Năm 2021<br>VND          |
|--|-----------|-------------------------|--------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |                         |                          |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        | (15.376.429.516)        | 676.842.012              |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản  |           |                         |                          |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT   | 02        | 79.945.148.259          | 69.036.464.946           |
| - Các khoản dự phòng   | 03        | 2.713.568.266           | 1.649.992.829            |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        | 5.398.559.233           | (2.694.425.843)          |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        | (1.388.954.616)         | (485.256.342)            |
| - Chi phí lãi vay  | 06        | 12.064.353.556          | 3.526.628.819            |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        | -                       |                          |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        | 83.356.245.182          | 71.710.246.421           |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        | 19.162.721.012          | 32.833.567.563           |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        | 2.954.352.447           | (1.160.256.889)          |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)            | 11        | (3.285.660.003)         | (3.124.463.049)          |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        | (810.716.166)           | (6.057.516.721)          |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        | (13.145.040.592)        | (2.045.366.744)          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</b>   | <b>20</b> | <b>88.231.901.880</b>   | <b>92.156.210.581</b>    |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |                         |                          |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                          | 21        | (34.220.085.932)        | (140.038.765.452)        |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        | (43.000.000.000)        | (23.000.000.000)         |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác                                | 24        | 29.011.000.000          | 25.842.630.856           |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được  | 27        | 1.388.954.616           | 485.256.342              |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> | <b>(46.820.131.316)</b> | <b>(136.710.878.254)</b> |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |                         |                          |
| 1. Tiền thu từ đi vay  | 33        | 16.360.399.435          | 100.216.890.984          |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | (67.179.756.426)        | (51.017.954.272)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> | <b>(50.819.356.991)</b> | <b>49.198.936.712</b>    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> | <b>(9.407.586.427)</b>  | <b>4.644.269.039</b>     |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>11.621.418.937</b>   | <b>6.977.149.898</b>     |
| Ảnh hưởng tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ   | 61        | -                       | -                        |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>2.213.832.510</b>    | <b>11.621.418.937</b>    |



**Đỗ Hoàng Phúc**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**  
 Đắk Lắk, Việt Nam  
 Ngày 10 tháng 03 năm 2023

**Trần Quốc Độ**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**  
**Người lập biểu**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk được cổ phần hóa theo quyết định 3514/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Công ty hoạt động theo cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175995 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, Công ty nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 phê duyệt việc chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty là 315.200.000.000 VND (Ba trăm mười lăm tỷ hai trăm triệu đồng).

Tổng số cổ phần: 31.520.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 339 đường Tôn Đức Thắng, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và cung cấp nước.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 6000175995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác./.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

**1.6 Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 325 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 396 người).

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

#### *Dự phòng nợ khó đòi*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn là các chi phí phân bổ trong thời hạn 12 tháng bao gồm cả các chi phí hoạt động chờ phân bổ tương ứng doanh thu trong năm 2022.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B09 - DN**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Chi phí bảo trì, bảo dưỡng**

Chi phí bảo trì bảo dưỡng được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

**Chi phí thuê bao đồng hồ**

Chi phí thuê bao đồng hồ được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo chu kỳ kiểm định là 5 năm.

**4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 25       |
| Máy móc và thiết bị             | 05 - 10       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 07 - 30       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 05 - 10       |

**4.9 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

**Phần mềm**

Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

**Quyền khai thác nước ngầm**

Quyền khai thác nước ngầm được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3-20 năm theo thời hạn được cấp quyền.

**4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý

cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:  
- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.  
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **4.12 Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

#### **4.13 Vốn chủ sở hữu**

##### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

#### **4.14 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

#### **4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **4.16 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay dài hạn trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng cơ bản thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn vay bình quân cho hoạt động chăm sóc vườn cây cao su kiến thiết và vốn vay bình quân chăm sóc cho vườn cây cao su khai thác.

#### **4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty áp dụng thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế đối với thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh nước sạch – hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/3/2013 và Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008. Công ty áp dụng thuế suất 20% đối với các hoạt động kinh doanh khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B09 - DN****4.18 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                 | <b>31/12/2022</b>           | <b>01/01/2022</b>            |
|---------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                 | <i>VND</i>                  | <i>VND</i>                   |
| Tiền mặt                        | 65.075.832                  | 61.075.194                   |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 2.148.756.678               | 11.560.343.743               |
| <i>Tiền gửi VND</i>             | <i>2.148.756.678</i>        | <i>11.560.343.743</i>        |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>2.213.832.510</u></b> | <b><u>11.621.418.937</u></b> |

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

|                        | <b>31/12/2022</b>            |                              | <b>01/01/2022</b>         |                              |
|------------------------|------------------------------|------------------------------|---------------------------|------------------------------|
|                        | Giá gốc<br><i>VND</i>        | Giá trị ghi sổ<br><i>VND</i> | Giá gốc<br><i>VND</i>     | Giá trị ghi sổ<br><i>VND</i> |
| <b>Ngắn hạn</b>        | <b>14.500.000.000</b>        | <b>14.500.000.000</b>        | <b>511.000.000</b>        | <b>511.000.000</b>           |
| Tiền gửi có kỳ hạn (i) | 14.500.000.000               | 14.500.000.000               | 511.000.000               | 511.000.000                  |
| <b>Cộng</b>            | <b><u>14.500.000.000</u></b> | <b><u>14.500.000.000</u></b> | <b><u>511.000.000</u></b> | <b><u>511.000.000</u></b>    |

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk và Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, lãi suất từ 4,6 - 6,8%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B09 - DN****5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

|                                     | 31/12/2022            |                        | 01/01/2022           |                      |
|-------------------------------------|-----------------------|------------------------|----------------------|----------------------|
|                                     | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND        | Giá trị<br>VND       | Dự phòng<br>VND      |
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>   | -                     | -                      | -                    | -                    |
| <b>Phải thu các khách hàng khác</b> | <b>10.316.378.219</b> | <b>(2.876.020.996)</b> | <b>9.461.739.478</b> | <b>(162.452.730)</b> |
| Khách hàng sử dụng nước sạch        | 2.911.782.595         | (952.623.096)          | 3.061.995.616        | (162.452.730)        |
| Khách hàng sử dụng dịch vụ khác     | 7.404.595.624         | (1.923.397.900)        | 6.399.743.862        | -                    |
| <b>Cộng</b>                         | <b>10.316.378.219</b> | <b>(2.876.020.996)</b> | <b>9.461.739.478</b> | <b>(162.452.730)</b> |

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|   | 31/12/2022           |                 | 01/01/2022         |                 |
|---|----------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
|   | Giá trị<br>VND       | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND     | Dự phòng<br>VND |
| <b>Trả trước các bên liên quan</b>                          | -                    | -               | -                  | -               |
| <b>Trả trước các khách hàng khác</b>                        | <b>3.114.653.637</b> | -               | <b>819.995.000</b> | -               |
| Công ty Cổ phần Thiết bị CN và công nghệ môi trường Dea Han | 1.188.000.000        | -               | -                  | -               |
| Công ty Cổ phần Phần mềm BRAVO                              | 220.470.000          | -               | -                  | -               |
| Công ty TNHH Cung cấp TB điện và XDCN Việt Nam              | 928.750.137          | -               | -                  | -               |
| Công ty TNHH Gia Thành                                      | -                    | -               | 550.000.000        | -               |
| Các đối tượng khác  | 777.433.500          | -               | 269.995.000        | -               |
| <b>Cộng</b>   | <b>3.114.653.637</b> | -               | <b>819.995.000</b> | -               |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B09 - DN****5.5 Phải thu khác ngắn hạn**

|                                    | <b>31/12/2022</b>     |                        | <b>01/01/2022</b>     |                        |
|------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|                                    | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND        | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND        |
| Ban QLDA Cấp nước tỉnh Đắk Lắk (i) | 21.892.355.018        | -                      | 86.878.528.978        | -                      |
| Phải thu CBCNV                     | 2.689.355.979         | (1.487.540.099)        | 1.667.601.086         | (1.487.540.099)        |
| Phải thu khác                      | 1.744.176.042         | -                      | 2.132.536.814         | -                      |
| <b>Cộng</b>                        | <b>26.325.887.039</b> | <b>(1.487.540.099)</b> | <b>90.678.666.878</b> | <b>(1.487.540.099)</b> |

(i): Phản ánh khoản tiền vay giải ngân cho Ban quản lý dự án cấp nước tỉnh Đắk Lắk (Ban QLDA) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước Thành phố Buôn Ma Thuột và 3 thị trấn: thị trấn Ea Kar, thị trấn Krông Năng và thị trấn Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk theo Hiệp định vay số 2961 ngày 4/5/2013 ký giữa Nước CHXHCN Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á, theo hợp đồng vay phụ số LOAN NO.2916-VIE vay vốn OCR của ADB ngày 17/4/2014 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk và hợp đồng vay số 25/2018/HĐTD ngày 20/12/2018 ký giữa Công ty và Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk (xem thuyết minh số 5.17).

Ban QLDA được thành lập theo Quyết định số 866/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk ngày 9/5/2013 để thực hiện Dự án nói trên, có con dấu riêng, tài khoản riêng và hạch toán độc lập với Công ty. Khi có các hạng mục công trình thuộc dự án hoàn thành đưa vào sử dụng, Công ty sẽ nhận bàn giao từ Ban QLDA và ghi tăng tài sản cố định, thuế GTGT được khấu trừ, đồng thời ghi giảm các khoản phải thu khác với số tiền tương ứng.

**5.6 Hàng tồn kho**

|                                      | <b>31/12/2022</b>     |                 | <b>01/01/2022</b>     |                 |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
|                                      | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 19.511.825.707        | -               | 21.361.555.769        | -               |
| Công cụ, dụng cụ                     | 81.614.640            | -               | 106.478.340           | -               |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 2.095.102.089         | -               | 3.163.902.904         | -               |
| Hàng hoá                             | -                     | -               | 10.957.870            | -               |
| <b>Cộng</b>                          | <b>21.688.542.436</b> | <b>-</b>        | <b>24.642.894.883</b> | <b>-</b>        |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B09 - DN****5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                 | <b>31/12/2022</b> | <b>01/01/2022</b>  |
|-----------------|-------------------|--------------------|
|                 | <i>VND</i>        | <i>VND</i>         |
| Hóa đơn điện tử | -                 | 82.500.000         |
| Các khoản khác  | 28.893.288        | 55.805.838         |
| <b>Cộng</b>     | <b>28.893.288</b> | <b>138.305.838</b> |

**5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

|                            | <b>31/12/2022</b>     | <b>01/01/2022</b>     |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                            | <i>VND</i>            | <i>VND</i>            |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 23.959.496.489        | 25.346.061.567        |
| Chi phí cải tạo, sửa chữa  | 2.006.189.468         | -                     |
| Các khoản khác             | 405.655.844           | 105.151.518           |
| <b>Cộng</b>                | <b>26.371.341.801</b> | <b>25.451.213.085</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**  
Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

**5.8 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

**5.8.1 Nợ xấu**

|  | 31/12/2022           |                                  | 01/01/2022     |                      |
|--|----------------------|----------------------------------|----------------|----------------------|
|  | Dư nợ gốc<br>VND     | Giá trị có thể thu<br>hồi<br>VND | T/g quá<br>hạn | Dư nợ gốc<br>VND     |
| <b>Phải thu khách hàng</b>             | <b>2.876.020.996</b> | -                                |                | <b>2.713.568.266</b> |
| Trung tâm PT Quỹ đất tỉnh Đắk Lắk      | 219.584.000          | -                                | >3 năm         | 219.584.000          |
| UB nhân dân xã Hòa Thắng               | 270.012.900          | -                                | >3 năm         | 270.012.900          |
| Ban QLDA huyện Ea Kar                  | 774.660.000          | -                                | >3 năm         | 774.660.000          |
| Ban quản lý dự án huyện M'Drak         | 378.830.000          | -                                | >3 năm         | 378.830.000          |
| Phòng kinh tế huyện Cư Mgar            | 280.311.000          | -                                | >3 năm         | 280.311.000          |
| Nợ khó đòi (tiền nước từ 2010 trở đi)  | 790.170.366          | -                                | >3 năm         | 790.170.366          |
| Nợ khó đòi (tiền nước từ 2006 -> 2010) | 92.017.850           | -                                | >3 năm         | 92.017.850           |
| Nợ khó đòi (tiền nước từ 2000 -> 2006) | 70.434.880           | -                                | >3 năm         | 70.434.880           |
| <b>Phải thu CBCNV</b>                  | <b>1.487.540.099</b> | -                                |                | <b>1.487.540.099</b> |
| Ông Nguyễn Viết Thanh                  | 1.487.540.099        | -                                | >3 năm         | 1.487.540.099        |
| <b>Cộng</b>                            | <b>4.363.561.095</b> | -                                |                | <b>4.363.561.095</b> |

**5.8.2 Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi**

|                            | Nợ phải thu, cho<br>vay ngắn hạn<br>VND | Nợ phải thu, cho<br>vay dài hạn<br>VND | Cộng<br>VND   |
|----------------------------|---|--|---------------|
| Tại ngày 01/01/2022        | 1.649.992.829                           | -                                      | 1.649.992.829 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 2.713.568.266                           | -                                      | 2.713.568.266 |
| Tại ngày 31/12/2022        | 4.363.561.095                           | -                                      | 4.363.561.095 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**  
Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

**5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

| Nguyên giá  | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng cộng         |
|---|------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------|-------------------|
|   | VND                    | VND               | VND                             | VND                       | VND               |
| Số dư tại 01/01/2022  | 138.966.920.120        | 104.576.215.869   | 785.406.300.162                 | 726.183.000               | 1.029.675.619.151 |
| - Mua trong năm   | -                      | 2.951.031.044     | 18.509.050.663                  | -                         | 21.460.081.707    |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành  | 541.515.119            | -                 | 17.293.756.314                  | -                         | 17.835.271.433    |
| Số dư tại ngày 31/12/2022   | 139.508.435.239        | 107.527.246.913   | 821.209.107.139                 | 726.183.000               | 1.068.970.972.291 |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>   |                        |                   |                                 |                           |                   |
| Số dư tại ngày 01/01/2022   | 70.056.922.260         | 45.807.368.554    | 260.726.401.051                 | 629.065.764               | 377.219.757.629   |
| - Khấu hao trong năm  | 5.670.152.328          | 13.466.546.574    | 59.887.102.605                  | 90.772.872                | 79.114.574.379    |
| Số dư tại ngày 31/12/2022   | 75.727.074.588         | 59.273.915.128    | 320.613.503.656                 | 719.838.636               | 456.334.332.008   |
| <b>Giá trị còn lại</b>  |                        |                   |                                 |                           |                   |
| - Tại ngày 01/01/2022   | 68.909.997.860         | 58.768.847.315    | 524.679.899.111                 | 97.117.236                | 652.455.861.522   |
| - Tại ngày 31/12/2022   | 63.781.360.651         | 48.253.331.785    | 500.595.603.483                 | 6.344.364                 | 612.636.640.283   |
| <b>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</b> |                        |                   |                                 |                           |                   |
| - Tại ngày 01/01/2022   | 42.998.666.855         | 10.569.613.890    | 60.085.180.277                  | -                         | 113.653.461.022   |
| - Tại ngày 31/12/2022   | 42.998.666.855         | 10.801.970.741    | 61.836.844.473                  | -                         | 115.637.482.069   |

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình mang đi cầm cố thế chấp tại ngày 31/12/2022 là: 75.985.605.025 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B09 - DN****5.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

|  | Chương trình<br>phần mềm | TSCĐ vô hình<br>khác | Tổng cộng     |
|--|--------------------------|----------------------|---------------|
|  | VND                      | VND                  | VND           |
| <b>Nguyên giá</b>  |                          |                      |               |
| Số dư tại ngày 01/01/2022  | 2.503.000.000            | 3.615.264.545        | 6.118.264.545 |
| - Mua trong năm  | 158.470.000              | -                    | 158.470.000   |
| Số dư tại ngày 31/12/2022  | 2.661.470.000            | 3.615.264.545        | 6.276.734.545 |
| <b>Giá trị hao mòn</b>   |                          |                      |               |
| Số dư tại ngày 01/01/2022  | 735.163.651              | 911.138.224          | 1.646.301.875 |
| - Khấu hao trong năm   | 334.522.110              | 496.051.770          | 830.573.880   |
| Số dư tại ngày 31/12/2022  | 1.069.685.761            | 1.407.189.994        | 2.476.875.755 |
| <b>Giá trị còn lại</b>   |                          |                      |               |
| - Tại ngày 01/01/2022  | 1.767.836.349            | 2.704.126.321        | 4.471.962.670 |
| - Tại ngày 31/12/2022  | 1.591.784.239            | 2.208.074.551        | 3.799.858.790 |
| <b>Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</b> |                          |                      |               |
| - Tại ngày 01/01/2022  | 42.400.000               | 519.225.454          | 561.625.454   |
| - Tại ngày 31/12/2022  | 42.400.000               | 519.225.454          | 561.625.454   |

**5.11 Chi phí XDCB dở dang**

|  | 01/01/2022           | Chi phí phát<br>sinh trong năm | Kết chuyển<br>tăng TSCĐ | 31/12/2022            |
|--|----------------------|--------------------------------|-------------------------|-----------------------|
|  | VND                  | VND                            | VND                     | VND                   |
| - Dự án Cấp nước 3 Huyện                                       | 1.204.830.684        | -                              | -                       | 1.204.830.684         |
| - Lắp đặt tuyến ống HDPE D63 Thôn 2 xã EaTu TP BMT             | 670.636.546          | 36.071.120                     | 706.707.666             | -                     |
| - Lắp ống HDPE D160+D90+D63 TT Krông Năng                      | 3.255.453.242        | 294.214.555                    | 3.549.667.797           | -                     |
| - Lắp ống HDPE D110, HDPE D90, HDPE D63 huyện Ea Kar           | 1.997.583.137        | 786.650.073                    | 2.784.233.210           | -                     |
| - Lắp đồng hồ TB CN BMT  | -                    | 3.216.630.370                  | 3.216.630.370           | -                     |
| - Lắp đặt ống HDPE D90, D63 thôn 13,14,18 xã Hoà Khánh, TP.BMT | -                    | 2.310.441.572                  | -                       | 2.310.441.572         |
| - Công trình khác  | 2.127.027.729        | 23.726.508.396                 | 18.914.826.584          | 6.938.709.541         |
| <b>Cộng</b>  | <b>9.255.531.338</b> | <b>30.370.516.086</b>          | <b>29.172.065.627</b>   | <b>10.453.981.797</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B09 - DN****5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

|   | <b>31/12/2022</b>     |                       | <b>01/01/2022</b>     |                       |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|   | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
|   | VND                   | VND                   | VND                   | VND                   |
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>                   |                       |                       |                       |                       |
| <b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>                   |                       |                       |                       |                       |
| Công ty Cổ phần HAWACO Miền Nam                     | 4.861.709.999         | 4.861.709.999         | 5.687.709.999         | 5.687.709.999         |
| Ban quản lý công trình vốn khấu hao                 | 1.558.001.433         | 1.558.001.433         | 1.558.001.433         | 1.558.001.433         |
| Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột                 | 1.095.293.382         | 1.095.293.382         | 687.212.051           | 687.212.051           |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG              | -                     | -                     | 1.930.218.204         | 1.930.218.204         |
| Công Ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất Bình An An | 977.268.131           | 977.268.131           | 2.282.603.140         | 2.282.603.140         |
| Các đối tượng khác                                  | 4.101.379.727         | 4.101.379.727         | 3.874.581.794         | 3.874.581.794         |
| <b>Cộng</b>   | <b>12.593.652.672</b> | <b>12.593.652.672</b> | <b>16.020.326.621</b> | <b>16.020.326.621</b> |

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|  | <b>31/12/2022</b>  |                       | <b>01/01/2022</b>  |                       |
|--|--------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
|  | Giá trị            | Số có khả năng trả nợ | Giá trị            | Số có khả năng trả nợ |
|  | VND                | VND                   | VND                | VND                   |
| <b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b> |                    |                       |                    |                       |
| <b>Người mua trả tiền trước khác</b>                 |                    |                       |                    |                       |
| Công ty TNHH Đầu tư phát triển đô thị Đắk Lắk (GD2)  | -                  | -                     | 216.668.291        | 216.668.291           |
| Công ty TNHH Đầu tư công nghệ SeaGol                 | 102.910.000        | 102.910.000           | 102.910.000        | 102.910.000           |
| Ban QLDA ĐTXDCT Dân dụng và CN tỉnh Đắk Lắk          | -                  | -                     | 469.362.000        | 469.362.000           |
| Các đối tượng khác                                   | 69.547             | 69.547                | -                  | -                     |
| <b>Cộng</b>  | <b>102.979.547</b> | <b>102.979.547</b>    | <b>788.940.291</b> | <b>788.940.291</b>    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                               | 31/12/2022           |                 | Phát sinh trong năm   |                       | 01/01/2022           |                 |
|-------------------------------|----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------|
|                               | Phải nộp<br>VND      | Phải thu<br>VND | Số phải nộp<br>VND    | Số đã nộp<br>VND      | Phải nộp<br>VND      | Phải thu<br>VND |
| Thuế giá trị gia tăng         | 457.018.323          | -               | 401.231.002           | 858.249.325           | -                    | -               |
| Thuế thu nhập cá nhân         | 22.274.757           | -               | 147.851.747           | 147.917.355           | 22.209.149           | -               |
| Thuế tài nguyên               | 201.260.224          | -               | 2.913.979.064         | 2.883.278.358         | 231.960.930          | -               |
| Thuế nhà đất và tiền thuê đất | -                    | -               | 89.922.422            | 89.922.422            | -                    | -               |
| Các loại thuế khác            | -                    | -               | 8.000.000             | 8.000.000             | -                    | -               |
| Phí, lệ phí và các khoản khác | 1.140.387.324        | -               | 16.364.527.420        | 16.153.649.677        | 1.351.265.067        | -               |
| <b>Cộng</b>                   | <b>1.820.940.628</b> | <b>-</b>        | <b>19.925.511.655</b> | <b>20.141.017.137</b> | <b>1.605.435.146</b> | <b>-</b>        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                            | <b>31/12/2022</b>    | <b>01/01/2022</b>    |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
|                            | VND                  | VND                  |
| Chi phí lãi vay            | 1.075.054.403        | 2.155.741.439        |
| Chi phí tiền điện tháng 12 | 927.428.926          | -                    |
| Chi phí khác               | 90.909.091           | 459.203.000          |
| <b>Cộng</b>                | <b>2.093.392.420</b> | <b>2.614.944.439</b> |

**5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác****5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

|   | <b>31/12/2022</b>     |                                 | <b>01/01/2022</b>     |                                 |
|---|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
|   | Giá trị<br>VND        | Số có khả<br>năng trả nợ<br>VND | Giá trị<br>VND        | Số có khả<br>năng trả nợ<br>VND |
| <b>Phải trả các bên liên<br/>quan</b>         | -                     | -                               | -                     | -                               |
| <b>Phải trả các đối<br/>tượng khác</b>        | <b>17.318.885.737</b> | <b>17.318.885.737</b>           | <b>17.942.765.673</b> | <b>17.942.765.673</b>           |
| Kinh phí công đoàn                            | -                     | -                               | 3.802.492             | 3.802.492                       |
| Bảo hiểm xã hội                               | -                     | -                               | 50.576.782            | 50.576.782                      |
| Phí thoát nước phải trả                       | 4.411.525.303         | 4.411.525.303                   | 3.081.434.880         | 3.081.434.880                   |
| Tín dụng chuyên<br>ngành Hiệp định VN X-<br>3 | 8.059.727.581         | 8.059.727.581                   | 8.059.727.581         | 8.059.727.581                   |
| Phải trả Nhà nước về<br>cổ phần hóa           | 2.497.465.174         | 2.497.465.174                   | 2.497.465.174         | 2.497.465.174                   |
| Phải trả khác                                 | 2.350.167.679         | 2.350.167.679                   | 4.249.758.764         | 4.249.758.764                   |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>17.318.885.737</b> | <b>17.318.885.737</b>           | <b>17.942.765.673</b> | <b>17.942.765.673</b>           |

**5.16.2 Phải trả dài hạn khác**

|                                     | <b>31/12/2022</b>    |                                 | <b>01/01/2022</b>  |                                 |
|-------------------------------------|----------------------|---------------------------------|--------------------|---------------------------------|
|                                     | Giá trị<br>VND       | Số có khả<br>năng trả nợ<br>VND | Giá trị<br>VND     | Số có khả<br>năng trả nợ<br>VND |
| Nhận ký quỹ, ký cược<br>dài hạn (i) | 1.155.026.003        | 1.155.026.003                   | 934.526.003        | 934.526.003                     |
| <b>Cộng</b>                         | <b>1.155.026.003</b> | <b>1.155.026.003</b>            | <b>934.526.003</b> | <b>934.526.003</b>              |

(i): là các khoản ký quỹ của các khách hàng sử dụng nước sạch.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính****5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

|                                      | 31/12/2022            |                       | Trong năm             |                       |                   | 01/01/2022            |                       |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                      | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Tăng                  | Giảm                  | Chênh lệch tỷ giá | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
|                                      | VND                   | VND                   | VND                   | VND                   | VND               | VND                   | VND                   |
| <b>Vay ngắn hạn</b>                  | -                     | -                     | <b>16.360.399.435</b> | <b>26.243.207.642</b> | -                 | <b>9.882.808.207</b>  | <b>9.882.808.207</b>  |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam  | -                     | -                     | -                     | 9.882.808.207         | -                 | 9.882.808.207         | 9.882.808.207         |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | -                     | -                     | 16.360.399.435        | 16.360.399.435        | -                 | -                     | -                     |
| <b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>       | <b>46.189.271.779</b> | <b>46.189.271.779</b> | <b>34.526.102.685</b> | <b>40.594.548.784</b> | -                 | <b>52.257.717.878</b> | <b>52.257.717.878</b> |
| Quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk        | -                     | -                     | 2.354.507.408         | 18.494.507.408        | -                 | 16.140.000.000        | 16.140.000.000        |
| Ngân hàng Phát triển Châu Á (i)      | 46.189.271.779        | 46.189.271.779        | 32.171.595.277        | 21.986.041.376        | -                 | 36.003.717.878        | 36.003.717.878        |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam  | -                     | -                     | -                     | 114.000.000           | -                 | 114.000.000           | 114.000.000           |
| <b>Cộng</b>                          | <b>46.189.271.779</b> | <b>46.189.271.779</b> | <b>50.886.502.120</b> | <b>66.837.756.426</b> | -                 | <b>62.140.526.085</b> | <b>62.140.526.085</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**  
Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

**5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

|                                     | 31/12/2022             |                        | Trong năm |                       | 01/01/2022             |                        |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------|-----------------------|------------------------|------------------------|
|                                     | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  | Tăng      | Giảm                  | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  |
|                                     | VND                    | VND                    | VND       | VND                   | VND                    | VND                    |
| <b>Vay dài hạn</b>                  | <b>379.991.145.521</b> | <b>379.991.145.521</b> | -         | <b>34.868.102.685</b> | <b>400.695.807.184</b> | <b>400.695.807.184</b> |
| Quý đầu tư phát triển Đắk Lắk       | -                      | -                      | -         | 2.354.507.408         | 2.354.507.408          | -                      |
| Ngân hàng Phát triển Châu Á         | 379.991.145.521        | 379.991.145.521        |           | 32.171.595.277        | 14.163.441.022         | 397.999.299.776        |
| (i)                                 |                        |                        |           |                       |                        |                        |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | -                      | -                      | -         | 342.000.000           | -                      | 342.000.000            |
| <b>Cộng</b>                         | <b>379.991.145.521</b> | <b>379.991.145.521</b> | -         | <b>34.868.102.685</b> | <b>14.163.441.022</b>  | <b>400.695.807.184</b> |

**(i) Thông tin thuyết minh bổ sung cho các vay và nợ thuê tài chính:**

| Hợp đồng vay  | Thời hạn vay | Lãi suất  | Hạn mức vay    | Số dư nợ gốc tại 31/12/2022 | Dư nợ đến hạn trả trong 12 tháng | Mục đích vay  | Tài sản bảo đảm   |
|---|--------------|---|----------------|-----------------------------|----------------------------------|---|---|
| <b>DÀI HẠN</b>                                      |              |   |                |                             |                                  |   |   |
| Khoản vay Ngân hàng Phát triển Châu Á               | 25 năm       | LIBOR (USD 6 tháng), lãi suất cụ thể theo thông báo của ADB theo từng kỳ trả nợ | 24.590.000 USD | 17.936.886,25 USD           | 1.943.992,92 USD                 | Thực hiện dự án cấp nước TP Buôn Ma Thuột và 3 huyện (Krông Năng, Ea Kar, Buôn Đôn) | - Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay |
| LOAN NO.2916-VIE vay vốn OCR của ADB ngày 17/4/2014 |              |   |                |                             |                                  |   |   |
|   |              |   |                | 426.180.417.300             | 46.189.271.779                   |   |   |
| <b>Cộng</b>   |              |   |                | <b>426.180.417.300</b>      | <b>46.189.271.779</b>            |   |   |

quy đổi:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

**5.18 Vốn chủ sở hữu****5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

|                                  | Vốn góp của chủ<br>sở hữu | LNST chưa<br>phân phối  | Tổng cộng              |
|----------------------------------|---------------------------|-------------------------|------------------------|
|                                  | VND                       | VND                     | VND                    |
| <b>Năm trước</b>                 |                           |                         |                        |
| <b>Số dư tại ngày 01/01/2021</b> | <b>315.200.000.000</b>    | <b>(3.957.997.723)</b>  | <b>311.242.002.277</b> |
| Lãi trong năm trước              |                           | 676.842.881             | 676.842.881            |
| Điều chỉnh                       |                           | 42.689.922              | 42.689.922             |
| <b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b> | <b>315.200.000.000</b>    | <b>(3.238.464.920)</b>  | <b>311.961.535.080</b> |
| <b>Năm nay</b>                   |                           |                         |                        |
| <b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b> | <b>315.200.000.000</b>    | <b>(3.238.464.920)</b>  | <b>311.961.535.080</b> |
| Lỗ trong năm nay                 |                           | (15.376.429.516)        | (15.376.429.516)       |
| <b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b> | <b>315.200.000.000</b>    | <b>(18.614.894.436)</b> | <b>296.585.105.564</b> |

**5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|                              | 31/12/2022             |             | 01/01/2022             |             |
|------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
|                              | Giá trị                | Tỷ lệ       | Giá trị                | Tỷ lệ       |
|                              | VND                    | %           | VND                    | %           |
| Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk | 113.472.000.000        | 36,00%      | 113.472.000.000        | 36,00%      |
| Phạm Thùy Linh               | 78.181.000.000         | 24,80%      | 78.181.000.000         | 24,80%      |
| Đỗ Hoàng Phúc                | 50.000.000.000         | 15,86%      | 50.000.000.000         | 15,86%      |
| Đỗ Hoàng Phương              | 58.352.000.000         | 18,51%      | 58.352.000.000         | 18,51%      |
| Cổ đông khác                 | 15.195.000.000         | 4,82%       | 15.195.000.000         | 4,82%       |
| <b>Cộng</b>                  | <b>315.200.000.000</b> | <b>100%</b> | <b>315.200.000.000</b> | <b>100%</b> |

**5.18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

|                                  | Năm 2022        | Năm 2021        |
|----------------------------------|-----------------|-----------------|
|                                  | VND             | VND             |
| <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b> |                 |                 |
| Vốn góp đầu năm                  | 315.200.000.000 | 315.200.000.000 |
| Vốn góp tăng trong năm           | -               | -               |
| Vốn góp giảm trong năm           | -               | -               |
| Vốn góp cuối năm                 | 315.200.000.000 | 315.200.000.000 |
| <b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b> | -               | -               |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

**5.18.3 Cổ phiếu**

|   | <u>31/12/2022</u> | <u>01/01/2022</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| <b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>            | <b>31.520.000</b> | <b>31.520.000</b> |
| <b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>         | <b>31.520.000</b> | <b>31.520.000</b> |
| Cổ phiếu phổ thông                                    | 31.520.000        | 31.520.000        |
| Cổ phiếu ưu đãi                                       | -                 | -                 |
| <b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>                 | <b>-</b>          | <b>-</b>          |
| <b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>                | <b>31.520.000</b> | <b>31.520.000</b> |
| Cổ phiếu phổ thông                                    | 31.520.000        | 31.520.000        |
| Cổ phiếu ưu đãi                                       | -                 | -                 |
| <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)</i> | <i>10.000</i>     | <i>10.000</i>     |

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|   | <u>Năm 2022</u>               | <u>Năm 2021</u>               |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
|   | <u>VND</u>                    | <u>VND</u>                    |
| Doanh thu cung cấp nước sạch                      | 166.668.635.324               | 155.492.154.746               |
| Doanh thu hoạt động ống nhánh và cung cấp dịch vụ | 22.929.174.294                | 23.522.033.568                |
| <b>Cộng</b>                                       | <b><u>189.597.809.618</u></b> | <b><u>179.014.188.314</u></b> |

**6.2 Giá vốn hàng bán**

|   | <u>Năm 2022</u>               | <u>Năm 2021</u>               |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
|   | <u>VND</u>                    | <u>VND</u>                    |
| Giá vốn hoạt động cung cấp nước sạch            | 94.751.987.143                | 98.549.747.287                |
| Giá vốn hoạt động ống nhánh và cung cấp dịch vụ | 17.173.818.476                | 17.066.035.751                |
| <b>Cộng</b>                                     | <b><u>111.925.805.619</u></b> | <b><u>115.615.783.038</u></b> |

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                    | <u>Năm 2022</u>             | <u>Năm 2021</u>             |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
|                                    | <u>VND</u>                  | <u>VND</u>                  |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay         | 1.388.954.616               | 485.256.342                 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | -                           | 2.694.425.843               |
| <b>Cộng</b>                        | <b><u>1.388.954.616</u></b> | <b><u>3.179.682.185</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

|                                     | Năm 2022<br><i>VND</i> | Năm 2021<br><i>VND</i> |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Lãi tiền vay                        | 12.064.353.556         | 3.526.628.819          |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện   | 8.764.881.789          | -                      |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 5.398.559.233          | -                      |
| <b>Cộng</b>                         | <b>26.227.794.578</b>  | <b>3.526.628.819</b>   |

**6.5 Chi phí bán hàng**

|                           | Năm 2022<br><i>VND</i> | Năm 2021<br><i>VND</i> |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân viên         | 6.197.225.775          | 9.550.696.374          |
| Chi phí vật liệu, bao bì  | 55.060.146             | -                      |
| Chi phí khấu hao TSCĐ     | 34.676.523.521         | 32.184.435.471         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 73.500.000             | 248.879.292            |
| Chi phí bằng tiền khác    | 657.507.650            | -                      |
| <b>Cộng</b>               | <b>41.659.817.092</b>  | <b>41.984.011.137</b>  |

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                           | Năm 2022<br><i>VND</i> | Năm 2021<br><i>VND</i> |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 13.293.039.602         | 10.481.682.289         |
| Chi phí vật liệu quản lý  | 335.130.860            | -                      |
| Chi phí khấu hao TSCĐ     | 3.863.426.370          | 3.898.396.242          |
| Thuế, phí và lệ phí       | 8.000.000              | -                      |
| Chi phí dự phòng          | 2.713.568.266          | 1.649.992.829          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.303.528.852          | 1.590.208.348          |
| Chi phí bằng tiền khác    | 4.838.964.149          | 3.283.018.734          |
| <b>Cộng</b>               | <b>26.355.658.099</b>  | <b>20.903.298.442</b>  |

**6.7 Thu nhập khác**

|                    | Năm 2022<br><i>VND</i> | Năm 2021<br><i>VND</i> |
|--------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền phạt thu được | 289.299.941            | -                      |
| Các khoản khác     | 321.360.444            | 820.330.090            |
| <b>Cộng</b>        | <b>610.660.385</b>     | <b>820.330.090</b>     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B09 - DN****6.8 Chi phí khác**

|                | Năm 2022           | Năm 2021           |
|----------------|--------------------|--------------------|
|                | VND                | VND                |
| Các khoản phạt | 499.023.409        | 20.498.215         |
| Các khoản khác | 242.885.393        | 196.298.422        |
| <b>Cộng</b>    | <b>741.908.802</b> | <b>216.796.637</b> |

**6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

|   | Năm 2022                | Năm 2021             |
|---|-------------------------|----------------------|
|   | VND                     | VND                  |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>  | <b>(15.376.429.516)</b> | <b>676.842.012</b>   |
| <b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN</b> | <b>499.023.409</b>      | <b>20.498.215</b>    |
| Các khoản điều chỉnh tăng   | 499.023.409             | 20.498.215           |
| <i>Các khoản chi phí không được trừ</i>   | 499.023.409             | 20.498.215           |
| <b>Thu nhập được miễn thuế</b>  | -                       | -                    |
| <b>Các khoản lỗ được kết chuyển</b>   | -                       | <b>(697.340.227)</b> |
| <b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>  | -                       | -                    |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>  | -                       | -                    |

Lỗ được khấu trừ thuế có thể được mang sang kỳ sau để bù trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm tiếp theo tối đa là 05 năm kể từ thời điểm phát sinh khoản lỗ đó. Bảng theo dõi lỗ được chuyển cho các năm sau được tính như sau:

| Năm phát sinh | Tình trạng      | Lỗ thuế trong năm | Lỗ đã sử dụng   | Lỗ đã quá hạn | Lỗ còn được chuyển | Năm hết hạn |
|---------------|-----------------|-------------------|-----------------|---------------|--------------------|-------------|
|               |                 | VND               | VND             | VND           | VND                | VND         |
| 2019          | Đã quyết toán   | 5.555.180.309     | (2.746.319.502) | -             | 2.808.860.807      | 2024        |
| 2022          | Chưa quyết toán | 14.877.406.107    | -               | -             | 14.877.406.107     | 2027        |

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

|  | Năm 2022         | Năm 2021    |
|--|------------------|-------------|
|  | VND              | VND         |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN                      | (15.376.429.516) | 676.842.012 |
| Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông    | (15.376.429.516) | 676.842.012 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 31.520.000       | 31.520.000  |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                      | <b>(488)</b>     | <b>21</b>   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B09 - DN****6.11 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

|   | Năm 2022<br>VND  | Năm 2021<br>VND |
|---|------------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN                     | (15.376.429.516) | 676.842.012     |
| Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông   | (15.376.429.516) | 676.842.012     |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 31.520.000       | 31.520.000      |
| Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành             | -                | -               |
| <b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>                   | <b>(488)</b>     | <b>21</b>       |

**6.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

|                                      | Năm 2022<br>VND        | Năm 2021<br>VND        |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân công                    | 49.976.560.076         | 61.764.602.650         |
| Chi phí nguyên liệu, công cụ dụng cụ | 28.914.378.343         | 6.810.990.726          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định     | 79.945.148.259         | 69.036.464.946         |
| Thuế, phí, lệ phí                    | 8.000.000              | 4.050.021.047          |
| Chi phí dự phòng                     | 2.713.568.266          | 1.649.992.829          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài            | 8.868.263.291          | 24.018.501.106         |
| Chi phí khác bằng tiền               | 11.134.965.250         | 12.237.067.397         |
| <b>Cộng</b>                          | <b>181.560.883.485</b> | <b>179.567.640.701</b> |

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****7.1 Tiền thu từ đi vay**

|   | Năm 2022<br>VND       | Năm 2021<br>VND        |
|---|-----------------------|------------------------|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 16.360.399.435        | 100.216.890.984        |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>16.360.399.435</b> | <b>100.216.890.984</b> |

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

|  | Năm 2022<br>VND       | Năm 2021<br>VND       |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | 67.179.756.426        | 51.017.954.272        |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>67.179.756.426</b> | <b>51.017.954.272</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

**8. CÁC THÔNG TIN KHÁC****8.1 Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

| Họ tên           | Chức vụ                   | Năm 2022             |                  |                      | Năm 2021             |                  |                      |
|------------------|---------------------------|----------------------|------------------|----------------------|----------------------|------------------|----------------------|
|                  |                           | Lương, thù lao       | Thưởng           | Cộng                 | Lương, thù lao       | Thưởng           | Cộng                 |
| Đỗ Hoàng Phúc    | Chủ tịch HĐQT             | 374.342.307          | -                | 374.342.307          | -                    | -                | -                    |
| Nguyễn Công Định | Thành viên HĐQT - Phó TGĐ | 364.064.710          | 1.000.000        | 365.064.710          | 342.000.000          | 1.000.000        | 343.000.000          |
| Nguyễn Khắc Dân  | Thành viên HĐQT - Tổng GĐ | 424.342.307          | 1.000.000        | 425.342.307          | 399.000.000          | 1.000.000        | 400.000.000          |
| Đỗ Hoàng Phương  | Thành viên HĐQT           | 100.000.000          | -                | 100.000.000          | -                    | -                | -                    |
| Ngô Đức Vũ       | Thành viên HĐQT           | 0                    | 1.000.000        | 1.000.000            | 307.800.000          | 1.000.000        | 308.800.000          |
| Nguyễn Hùng      | Phó Tổng Giám đốc         | 315.381.372          | 1.000.000        | 316.381.372          | 296.400.000          | 1.000.000        | 297.400.000          |
| Hoàng Thị Thu Hà | Phó Tổng Giám đốc         | 366.268.165          | 1.000.000        | 367.268.165          | 30.000.000           | 1.000.000        | 31.000.000           |
| Lê Đặng Uyên Đan | Trưởng Ban kiểm soát      | 21.000.000           | -                | 21.000.000           | 9.000.000            | -                | 9.000.000            |
| Trần Quốc Độ     | Kế toán trưởng            | 315.381.372          | 1.000.000        | 316.381.372          | 296.400.000          | 1.000.000        | 297.400.000          |
| <b>Cộng</b>      |                           | <b>2.280.780.233</b> | <b>6.000.000</b> | <b>2.286.780.233</b> | <b>1.680.600.000</b> | <b>6.000.000</b> | <b>1.686.600.000</b> |

**8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 - DN

**8.2 Số liệu so sánh**

Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy tại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam).

Do đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần. Vì vậy, số liệu đầu năm có thể thay đổi sau khi Công ty được Cơ quan quản lý phê duyệt chính thức.

**8.3 Thông tin về hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.



**Đỗ Hoàng Phúc**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Đắk Lắk, Việt Nam  
Ngày 10 tháng 03 năm 2023

**Trần Quốc Độ**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thu Hiền**  
Người lập biểu



Công ty Cổ phần cấp nước Đắk Lắk  
Kỳ: Năm 2022

## DN - BÁO CÁO NGOẠI BẢNG

| Chỉ tiêu  | Mã chỉ tiêu | Năm nay                | Năm trước              |
|---|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>1. Nợ phải thu khó đòi</b>                                   | 110         |                        |                        |
| a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm                      | 111         | 4.363.561.095          | 1.649.992.829          |
| b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm                       | 112         | 0                      | 0                      |
| <b>2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong nước</b>          | 120         | <b>0</b>               | <b>26.136.808.207</b>  |
| a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng                            | 121         | 0                      | 9.996.808.207          |
| b) Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn còn lại          | 122         | 0                      | 16.140.000.000         |
| <b>3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn nước ngoài</b>          | 130         | <b>46.189.271.779</b>  | <b>36.003.717.878</b>  |
| a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng                            | 131         | 46.189.271.779         | 36.003.717.878         |
| b) Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khác còn lại     | 132         | 0                      | 0                      |
| <b>4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong nước</b>           | 140         | <b>0</b>               | <b>18.950.507.408</b>  |
| a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD                                   | 141         | 0                      | 18.950.507.408         |
| b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)   | 142         | 0                      | 0                      |
| c) Thuế tài chính dài hạn trong nước                            | 143         | 0                      | 0                      |
| d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác                        | 144         | 0                      | 0                      |
| <b>5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn nước ngoài</b>           | 150         | <b>379.991.145.521</b> | <b>381.745.299.776</b> |
| a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ                                | 151         | 379.991.145.521        | 381.745.299.776        |
| b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh                       | 152         | 0                      | 0                      |
| c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả                 | 153         | 0                      | 0                      |
| d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)   | 154         | 0                      | 0                      |
| e) Các khoản vay nước ngoài còn lại                             | 155         | 0                      | 0                      |
| <b>6. Nợ phải trả quá hạn</b>                                   | 156         | 0                      | 0                      |
| <b>7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trư</b> | 157         | 1.820.940.628          | 1.625.123.295          |
| <b>8. Vốn điều lệ</b>   | 200         | 315.200.000.000        | 315.200.000.000        |
| <b>9. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN</b>             | 300         | <b>29.925.903.075</b>  | <b>22.430.872.493</b>  |
| a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa                     | 310         | 29.925.903.075         | 22.430.872.493         |
| b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK                         | 330         | 0                      | 0                      |
| c) Cổ tức, số lợi nhuận còn lại phát sinh phải nộp NSNN         | 350         | 0                      | 0                      |
| <b>10. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN</b>              | 351         | <b>30.141.408.557</b>  | <b>22.235.055.160</b>  |
| - Lợi nhuận đã nộp NSNN   | 352         | 0                      | 0                      |
| <b>11. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyên năm sau</b>   | 360         | 1.605.435.146          | 1.820.940.628          |
| <b>12. Tổng quỹ lương</b>                                       | 622         | 40.341.074.140         | 45.820.090.385         |
| <b>13. Số lao động bình quân (người)</b>                        | 610         | 325                    | 400                    |
| <b>14. Tiền lương bình quân người/năm</b>                       | 623         | 124.126.380            | 114.550.226            |

Lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Trần Quốc Độ



Đỗ Hoàng Phúc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK (DAKWACO)**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Đắk Lắk, ngày 26 tháng 4 năm 2023

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU**  
**KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG**  
**TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**  
(Số: 01/2023/BBKP – ĐHĐCĐ)

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

Hôm nay, vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại Hội trường Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk, số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, các thành viên trong Ban kiểm phiếu gồm:

- Ông Lê Bản Khánh** - Trưởng ban
- Ông Lê Bá Hòa** - Thành viên
- Ông Nguyễn Tuấn Anh** - Thành viên
- Ông Lê Trung Hiếu** - Thành viên

- Đến thời điểm 14 giờ 00 phút ngày 26 tháng 4 năm 2023, tổng số cổ đông tham dự và uỷ quyền tham dự là 243 cổ đông, tương ứng với 31.081.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,61 % tổng số cổ phần có quyền tham dự Đại hội.

- Cập nhật đến thời điểm kiểm phiếu, tổng số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự là 243 cổ đông, tương ứng với 31.081.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,61% tổng số cổ phần có quyền tham dự Đại hội.

- Ban kiểm phiếu đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.

**Kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:**

| STT | Nội dung biểu quyết   | Tán thành (%)           | Không tán thành (%) | Không ý kiến (%) | Kết quả biểu quyết |
|-----|---|-------------------------|---------------------|------------------|--------------------|
| 1   | Chương trình và nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.                   | 31.081.200 cp<br>(100%) | 0 cp<br>(0%)        | 0 cp<br>(0%)     | Thông qua          |
| 2   | Báo cáo hoạt động của Ban Tổng giám đốc năm 2022 và kế hoạch công tác năm 2023. | 31.081.200 cp<br>(100%) | 0 cp<br>(0%)        | 0 cp<br>(0%)     | Thông qua          |
| 3   | Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và kế hoạch công tác năm 2023.              | 31.081.200 cp<br>(100%) | 0 cp<br>(0%)        | 0 cp<br>(0%)     | Thông qua          |

| STT | Nội dung biểu quyết  | Tán thành (%)              | Không tán thành (%)       | Không ý kiến (%) | Kết quả biểu quyết |
|-----|--|----------------------------|---------------------------|------------------|--------------------|
| 4   | Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch công tác năm 2023.  | 31.081.200 cp<br>(100%)    | 0 cp<br>(0%)              | 0 cp<br>(0%)     | Thông qua          |
| 5   | Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2022.   | 31.081.200 cp<br>(100%)    | 0 cp<br>(0%)              | 0 cp<br>(0%)     | Thông qua          |
| 6   | Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận; Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023.  | 31.081.200 cp<br>(100%)    | 0 cp<br>(0%)              | 0 cp<br>(0%)     | Thông qua          |
| 7   | Tờ trình về việc ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.   | 31.081.200 cp<br>(100%)    | 0 cp<br>(0%)              | 0 cp<br>(0%)     | Thông qua          |
| 8   | Tờ trình thông qua chủ trương Thông qua chủ trương mua nước si sinh hoạt đối với Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty Cổ phần Cấp nước Đạt Lý                                | 11.358.200 cp<br>(36,54 %) | 19.723.000cp<br>(63,46 %) | 0 cp<br>(0%)     | Không thông qua    |
| 9   | Văn bản kiến nghị của cổ đông Đỗ Hoàng Phương đề nghị bổ sung nội dung liên quan đến việc mua nước si sinh hoạt của Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột và Công ty CP Cấp nước Đạt Lý. | 19.723.000 cp<br>(63,46 %) | 11.358.200cp<br>(36,54%)  | 0 cp<br>(0%)     | Thông qua          |

Việc kiểm phiếu được kết thúc vào hồi 15 giờ 30 phút cùng ngày.  
Chúng tôi cam kết về tính chính xác của việc kiểm phiếu trên.

### CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Trưởng ban



Lê Bản Khánh

**Thành viên**



**Nguyễn Bá Hòa**

**Thành viên**



**Lê Trung Hiếu**

**Thành viên**



**Nguyễn Tuấn Anh**

